

# BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THÁNG 08/2024

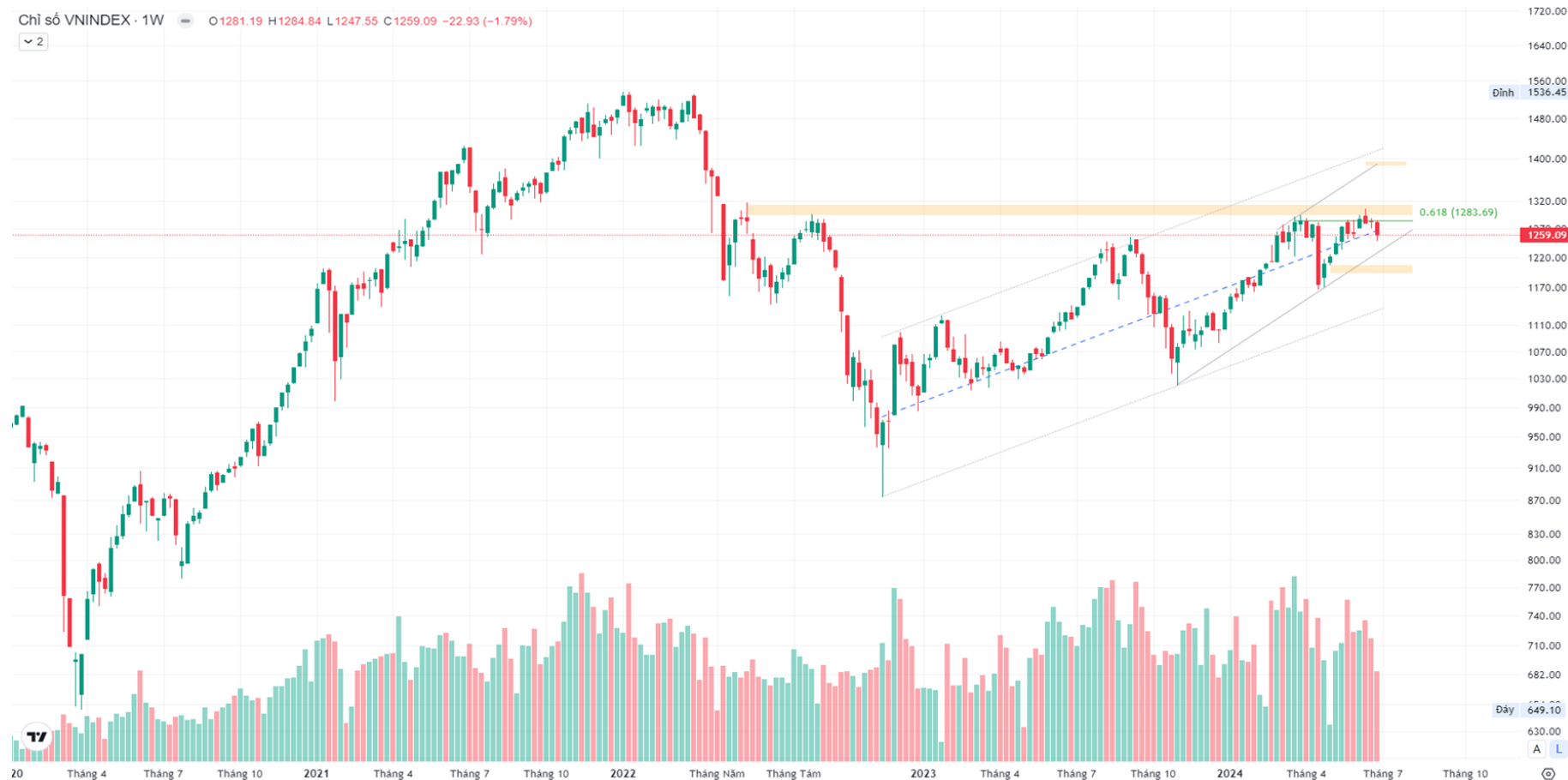
CÁC BẤT ỔN THẾ GIỚI KÌM HÃM THỊ TRƯỜNG

## ĐIỂM NHẤN THÁNG 7/2024

- **Thế giới nhiều bất ổn:** Kinh tế Mỹ suy yếu nghiêm trọng với PMI sản xuất quay trở lại mức thu hẹp sau 3 tháng, số liệu việc làm rất yếu, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, các doanh nghiệp ghi nhận lợi nhuận Quý 2 giảm sút svck. Trung Quốc vẫn chưa thể hồi phục kinh tế khi thị trường BĐS vẫn là gánh nặng. Sản xuất tiếp tục thu hẹp tại EU trong khi bạo loạn diễn ra tại Anh và Bangladesh. Khu vực Trung Đông đối diện với rủi ro chiến tranh toàn diện giữa Iran và Israel. [\(trang 10-14\).](#)
- **Ngành sản xuất Việt Nam tiếp tục tích cực, tỷ giá được kiểm soát.** PMI đạt 54,7 điểm trong tháng 7, xuất sắc giữ vững được mức mở rộng ấn tượng của tháng 6 và ghi nhận tốc độ tăng trưởng sản xuất nhanh nhất trong nhiều năm qua. Xuất nhập khẩu, vốn đầu tư FDI tiếp tục khởi sắc và lạm phát được kiểm soát ổn định. Hơn nữa, tỷ giá đã quay đầu giảm nhẹ và áp lực đến từ USD đã không còn lớn như khoảng thời gian nửa đầu năm 2024 [\(trang 16-22\).](#)
- Tháng 7, thị trường tiếp tục chứng kiến những nỗ lực phá đỉnh 1300 không thành công. Chỉ số VN-Index rung lắc mạnh ở biên độ lớn từ 1200 đến 1300 điểm. Kết phiên 31/7, VNIndex đạt mốc 1,251.51 điểm, tăng nhẹ 0,5% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trung bình giảm mạnh [\(trang 24-25\).](#)
- Khối ngoại tiếp tục bán ròng, tuy nhiên lực bán đã giảm hơn một nửa [\(trang 26-27\).](#)
- KQKD Q2/2024 tích cực: Lợi nhuận sau thuế các doanh nghiệp trên 3 sàn đạt mức +22,5% svck, tăng +8,7% so với Q1/2024. Đà tăng được dẫn dắt bởi của nhóm Phi tài chính (+23,0% svck) thay vì nhóm Tài chính (+19,5% svck) như các kỳ trước. Các nhóm ngành tăng trưởng lợi nhuận mạnh nhất bao gồm Bán lẻ, Thép, Chứng khoán, Hóa chất, Cao su... Tỷ trọng dòng tiền ghi nhận tăng chủ yếu ở nhóm **Ngân hàng, Bán lẻ, Bất động sản** [\(trang 28-30\).](#)

# ◉ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 7/2024

- Chúng tôi đã dự báo tháng 7 là thời điểm thị trường hấp thụ tốt yếu tố tiêu cực và tạo ra vùng đi ngang tích lũy với biên độ giá lớn từ 1300 đến 1180, chuẩn bị cho nhịp sóng tăng của nửa cuối năm 2024. Sau các nhịp điều chỉnh với biên độ giá quanh 60-100 điểm sẽ luôn có hồi phục kỹ thuật nhanh với những phiên tăng điểm nhờ cổ phiếu vốn hóa lớn.
- Thực tế, VNIndex trong tháng 7 tiếp tục nỗ lực vượt đỉnh 1300 không thành công. Chỉ số VN-Index rung lắc mạnh với biên độ lớn từ 1218 đến 1300 điểm. Kết phiên 31/7, VNIndex đạt mốc 1,251.51 điểm, tăng nhẹ 0,5% so với tháng trước. Chỉ số tiếp tục giảm điểm mạnh trong các phiên đầu tháng 8 về mốc 1185 điểm. Kết quả danh mục các cổ phiếu chúng tôi khuyến nghị được tổng hợp tại trang sau.



# ➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 7/2024

- Tỷ suất lãi/lỗ thực hiện cả danh mục là **+1,2%** theo giá cuối tháng 7 và **+10,3%** theo giá cao nhất đạt được trong tháng 7/2024.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo	Vùng giá mua đề xuất	Giá thấp nhất chạm vùng KN	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá cắt lỗ	31/07/2024	Tăng/ Giảm (%)	Giá chạm cao nhất trong tháng	Tăng/ Giảm (%)	Ghi chú
1	ACB	24.25	22 - 23.5	23.85	25 - 26	29	21.5	24.55	2.9%	25.3	4.3%	
2	BVH	47	44.3 - 46	44.95	61 - 63	73	41	43.6	-3.0%	48.1	2.3%	
3	TVS	23.25	22 - 24	22	27	30-32	20	20.5	-6.8%	25.4	9.2%	
4	ACV	117	114 - 117	115.8	135 - 136		112	115.9	0.1%	127	8.5%	
5	PC1	29.8	28 - 30	28.7	35 - 36		26	28.9	0.7%	31.95	7.2%	
6	DCM	37.5	35 - 37	36.05	43 - 45	51	33	37.1	2.9%	41.8	11.5%	
7	MSH	49.75	46 - 49	46.1	53 - 59		45	46.25	0.3%	51.1	2.7%	
8	TCM	52	48 - 49	48	53 - 55	57	46	49.9	4.0%	54.4	4.6%	
9	ACG	47.5	44 - 46	44	57 - 58		42	44	0.0%	49.45	4.1%	
10	CKG	25.5	24.5 - 26	24.5	30 - 31		24	24.45	-0.2%	28.75	12.7%	
11	HDC	29.6	28 - 29	28.2	33 - 35	42	26	28.4	0.7%	30.95	4.6%	
12	HDG	28.85	27 - 29	28.4	35 - 37	43	25	28.05	-1.2%	33	14.4%	
13	NHA	28.3	26 - 28	28	32 - 33	42	25	29.5	5.4%	32.8	15.9%	
14	VHM	38.1	38	38	47		35	36.7	-3.4%	38.85	2.0%	
15	VPI	60	58 - 59	58.3	64 - 65		56	70.2	20.4%	71.2	42.4%	Trả cổ tức năm 2023 bằng CP, tỷ lệ 10:2
16	TVN	9.5	7.3 - 7.6	n/a	9.5	12	6.8	9.3	-2.1%	12.5	31.6%	
17	NKG	24.8	22 - 23.3	22.35	26 - 27	29	21	22.6	1.1%	26.05	5.0%	
18	SZC	40.15	38.5 - 40	38.5	48 - 51		34	38.45	-0.1%	41.25	2.7%	
Trung bình									1.2%		10.3%	

## Về yếu tố Phân tích kỹ thuật:

Tổng quan thị trường đã trải qua 21 tháng hồi phục từ đáy tháng 11/2022 với biên độ tăng giá hơn 400 điểm và với kết cấu của 3 nhịp tăng lớn trên biểu đồ tuần.

Chỉ số thị trường sau 3 tháng liên tiếp không phá qua được vùng đỉnh 1300, đến kết thúc tháng 7 thị trường phát đi tín hiệu tiếp tục suy yếu dần, vị thế giá đóng cửa tuần nằm dưới các đường trung bình trượt MA10/MA20 của biểu đồ tuần. Xem xét yếu tố thời gian 21 tháng mà thị trường đi lên trong các pha gần nhất thì biên độ tăng điểm cạn dần tại vùng kháng cự mạnh 1300 điểm.

Thị trường đã phá qua mốc hỗ trợ 1 tại vùng 1220-1240 điểm của xu hướng tăng ngắn hạn. Lực bán xuống mạnh khi VN-Index đi vào vùng hỗ trợ 1213-1166 xác nhận điều chỉnh trung hạn, với các sự đồng thuận giá đi xuống kèm theo lượng giao dịch. Tâm lý tiêu cực và sợ hãi đang lan tỏa.

Xu hướng trung hạn: tăng hồi phục đến vùng kháng cự mạnh 1300, phát tín hiệu suy yếu. Đường trung bình trượt MA10 cắt xuống MA20, MACD cắt xuống ở biểu đồ tuần. Xu hướng điều chỉnh trung hạn trên biểu đồ tuần.

Xu hướng ngắn hạn: đang trong quá trình điều chỉnh giảm.

## Các vùng hỗ trợ và kháng cự:

- Kháng cự 1: 1235 - 1260
- Hỗ trợ 1: 1170 – 1160
- Kháng cự 2: 1285 - 1295
- Hỗ trợ 2: 1140 – 1080
- Kháng cự 3: 1305 - 1316
- Hỗ trợ 3: 1050 – 1020

## Các yếu tố vĩ mô:

Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định của Việt Nam là điểm sáng giữa bối cảnh tình hình thế giới đang đổi mới với nhiều bất ổn lớn.

- Tại Mỹ, số liệu việc làm kém khả quan và thấp hơn rất nhiều so với kỳ vọng của giới chuyên môn cùng với tỷ lệ thất nghiệp tăng đột biến đã thúc đẩy một dây chuyền bán tháo và nguy cơ nước Mỹ rơi vào suy thoái sau một thời gian dài duy trì mức lãi suất cao là rất lớn (theo chỉ báo suy thoái Sahm). Hiện khả năng Fed sẽ phải giảm lãi suất một cách quyết liệt hơn với một tốc độ nhanh hơn để có thể vực dậy nền kinh tế.
- Tại châu Á, các thị trường tài chính lớn đều bị bán tháo, đặc biệt tại thị trường Nhật Bản khi Nikkei 225 sụp đổ hơn 12% trong 1 phiên do tác động của BoJ khi nâng lãi suất lên mức 0.25% khiến đồng Yên Nhật tăng mạnh chỉ trong vài ngày. Các nhà giao dịch carry trade đã phải bán tài sản để đóng vị thế.
- Tại Trung Quốc, dường như nền kinh tế này vẫn đang không thể phục hồi khi các chỉ số kinh tế đều cho thấy mức thu hẹp và khủng hoảng bất động sản vẫn là gánh nặng tài chính cực lớn đối với hệ thống tài chính của quốc gia tỷ dân này.
- Tại lục địa già, số liệu kinh tế của EU tiếp tục gây thất vọng, ngành sản xuất thu hẹp với tốc độ nhanh trong khi CPI đã ngay lập tức tăng vượt kỳ vọng chỉ sau hơn 1 tháng ECB tuyên bố cắt giảm lãi suất. Mặc dù tại Anh, lạm phát đang được kiểm soát và sản xuất bùng nổ nhưng những bất ổn chính trị lại bắt đầu nổ ra liên quan tới phong trào bài dân nhập cư của phe cực hữu.
- Tình hình chiến sự tại Trung Đông đang căng thẳng hơn bao giờ hết. Hai cường quốc quân sự Israel và Iran đang đứng trước bờ vực của một cuộc chiến toàn diện

- Tại Nam Á, Bangladesh đang trải qua một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, bắt nguồn từ những căng thẳng do hàng loạt vấn đề kinh tế-xã hội. Điều này có thể gây ra những gián đoạn nghiêm trọng cho ngành may mặc toàn cầu.
- Bất chấp những tình hình bất ổn trên thế giới, các số liệu vĩ mô Việt Nam vẫn cho thấy những dấu hiệu tích cực. PMI duy trì được mức mở rộng kỷ lục 54.7 trong 2 tháng liên tiếp cho thấy một tốc độ tăng trưởng đáng kinh ngạc của ngành sản xuất. Xuất nhập khẩu và đầu tư FDI tiếp tục tăng trưởng tốt trong khi Đồng đô la Mỹ giảm mạnh đã giúp Việt Nam cởi bỏ được áp lực tỷ giá trong ngắn hạn. Ngân hàng Nhà nước cũng nhân cơ hội này giảm lãi suất thị trường mở để hỗ trợ hệ thống tài chính, tại thời điểm đầu tháng 8. NHNN cũng đã không còn bán ra USD ồ ạt như trong hai tháng trước.
- Số liệu KQKD Q2 của các doanh nghiệp niêm yết cho thấy đà hồi phục tích cực tiếp diễn từ quý trước. Nhiều nhóm ngành tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ như Bán lẻ, Thép, Chứng khoán, Hóa chất, Cao su... Đáng chú ý, sự tăng trưởng lan tỏa ở nhiều nhóm ngành, đặc biệt là các ngành phi tài chính.
- Về mặt định giá, sau khi số liệu KQKD Q2/2024 được công bố, P/E của VN-Index đã giảm từ mức 14,1x cuối tháng 6 xuống 13,8x cuối tháng 7, thấp hơn mức bình quân 14,14x của chỉ số này trong 1 năm qua. P/E kỳ vọng cho cả năm 2024 ở mức thấp hơn do KQKD cả thị trường được dự báo tiếp tục phục hồi trong nửa cuối năm.
- Các cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30 đang có định giá P/E là 12.58x, thấp hơn nhiều so với các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ trong VN MID (16.73x) và VNSML (17.38x).

## Dự báo diễn biến VN-Index trong tháng 8/2024:

Từ cuối tháng 7, mặc dù kinh tế vĩ mô của Việt Nam tích cực, các thông tin bất lợi trên thế giới ảnh hưởng khá mạnh đến thị trường chứng khoán thế giới và Việt Nam và dự kiến sẽ còn tác động tiêu cực đến TTCK Việt Nam trong thời gian tới. Chúng tôi dự báo 2 kịch bản cho thị trường trong tháng 8:

**Kịch bản 1:** Trong tháng 8, trường hợp các cuộc bạo loạn, xung đột vũ trang được hóa giải, không leo thang xấu hơn, nếu VN-Index giữ được mốc 1166 sẽ hình thành cấu trúc đi ngang tích lũy.

**Kịch bản 2:** Trường hợp ngược lại, kịch bản giá điều chỉnh xuống trong tháng 8 được ưu tiên. Nếu giá đóng cửa tuần không giữ được mốc 1166 điểm, thị trường chung sẽ tiếp tục điều chỉnh xuống các mốc hỗ trợ 3 của báo cáo phân tích các tháng trước đây tại vùng giá 1140-1080+/- . Các nhịp điều chỉnh có thể diễn ra với cường độ khá nhanh và mạnh. Khi đó P/E TTM của thị trường dự kiến giảm về mức khá hấp dẫn 12,6x - 11,9x.

## Khuyến nghị

Trong tháng 8, quản trị rủi ro trung hạn được đặt lên hàng đầu. Việc giao dịch cổ phiếu trong các pha hồi phục kỹ thuật cần được cân nhắc kỹ lưỡng tại vùng hỗ trợ của VN-Index và cổ phiếu cụ thể, khi có tín hiệu cụ thể xác nhận hoàn thành mô hình giá.

Các nhịp giao dịch hồi phục trong pha điều chỉnh trung hạn, nhà đầu tư nên hạ thấp kỳ vọng lợi nhuận và tuân thủ cắt lỗ.

Vùng Hỗ trợ 1 và Hỗ trợ 2 là vùng có thể giải ngân đầu tư trung hạn.

Các nhóm ngành quan sát đối với điểm mua trung hạn khi VNI-Index điều chỉnh xong: Ưu tiên doanh nghiệp đầu ngành có hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, dòng tiền từ HĐSXKD đều đặn, trong các ngành có tính phòng thủ như: Năng lượng, Y tế, Hàng tiêu dùng thiết yếu, Bán lẻ, Hóa chất... Danh mục khuyến nghị được chúng tôi trình bày ở phần sau của báo cáo.

# TRIỆU VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 8/2024



# MỤC LỤC

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI	<u>09</u>
TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM	<u>14</u>
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	<u>24</u>
NHẬN ĐỊNH & KHUYẾN NGHỊ	<u>30</u>



Trải nghiệm ngay  
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia  
room tư vấn của  
Trung tâm Tư vấn Đầu tư ABS





# TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI



Trải nghiệm ngay  
ứng dụng ABS invest

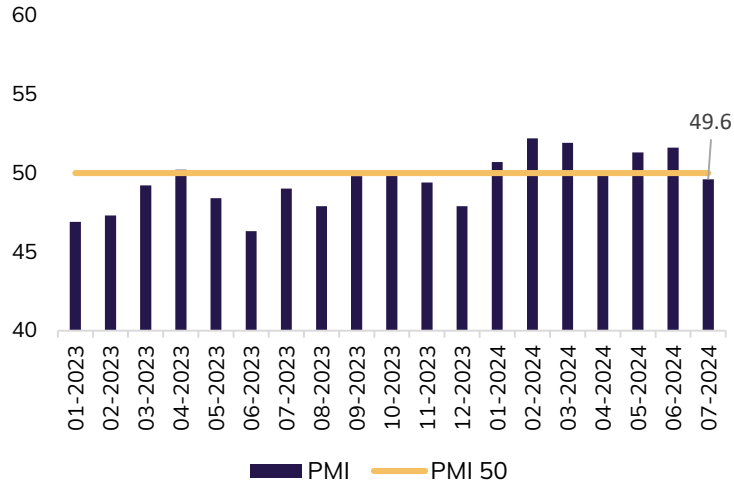


Mở tài khoản để tham gia  
room tư vấn của Trung  
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



# Mỹ: Số liệu việc làm thất vọng, sản xuất thu hẹp

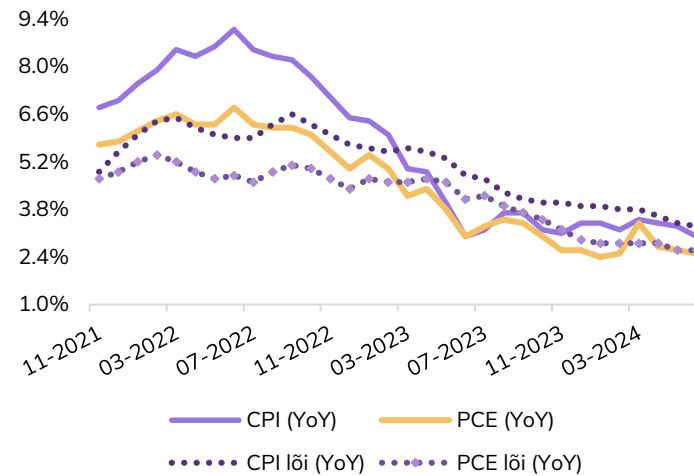
## PMI thu hẹp trở lại



Nguồn: Investing, ABS Research

- Chỉ số nhà quản trị mua hàng lĩnh vực sản xuất (PMI) tháng 6 đã giảm xuống chỉ còn 49.6 điểm từ mức 51.6 của tháng trước, mặc dù đã điều chỉnh tăng nhẹ so với mức sơ bộ 49.5 điểm nhưng đây vẫn là số liệu PMI thấp nhất năm 2024.
- Các đơn đặt hàng mới ghi nhận mức giảm lần đầu tiên trong 3 tháng qua. Việc làm sản xuất suy yếu nghiêm trọng trong khi giá bán thành phẩm có mức tăng trưởng chậm nhất trong 1 năm qua, đồng thời chi phí đầu vào tăng đáng kể do giá năng lượng, vận chuyển, lao động và nguyên liệu thô tăng cao hơn.

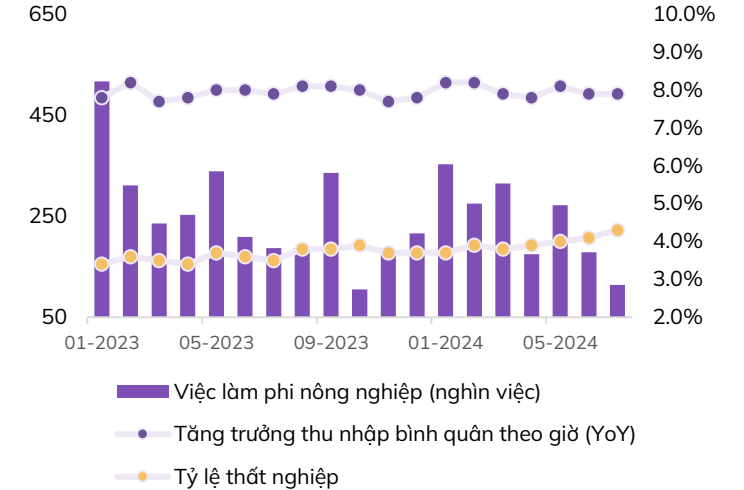
## Lạm phát Mỹ giảm chỉ còn 3%



Nguồn: Investing, ABS Research

- Đúng như dự báo, chỉ số CPI tháng 6/2024 tăng 3% svck (giảm so với mức tăng 3,3% của tháng 5). Trong khi CPI lõi (ngoại trừ năng lượng và thực phẩm) chỉ tăng 3.3%, mức thấp nhất trong hơn 3 năm qua.
- PCE lõi, chỉ số lạm phát ưa thích của Fed đã giảm mạnh được giữ nguyên ở mức 2,6% trong tháng 6 vừa qua và tiếp tục cao hơn mức mục tiêu 2% của Fed. PCE lõi tăng 0,2% so với tháng trước. Dù không cho thấy tiến triển rõ rệt của lạm phát nhưng việc CPI và PCE được kiểm soát tốt có thể là tín hiệu cho Fed tiến hành xoay trục chính sách.

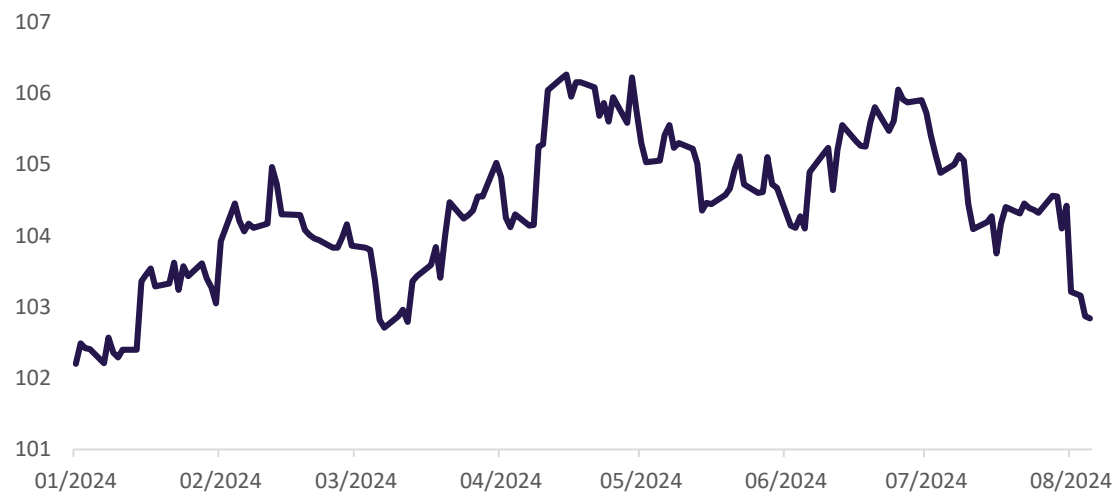
## Số liệu việc làm cho tín hiệu suy thoái



Nguồn: Investing, ABS Research

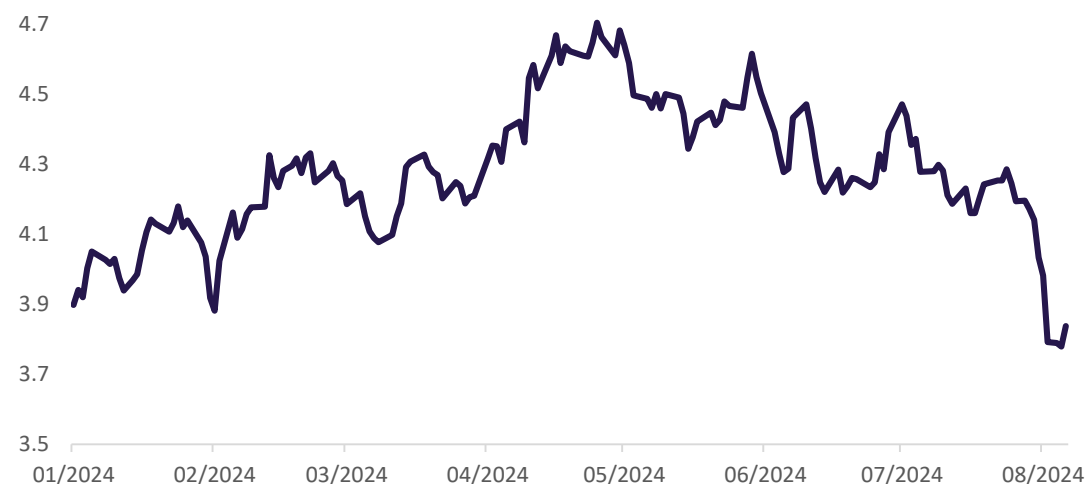
- Trong tháng 7/2024, nền kinh tế Mỹ tạo ra 114.000 việc làm, giảm mạnh so với 179.000 việc làm hồi tháng 6 và thấp hơn dự báo ban đầu là 175.000 việc làm báo hiệu rằng thị trường lao động đang nguội đi nhanh chóng.
- Tỷ lệ thất nghiệp tăng lên mức 4,3% trong tháng 7 từ mức 4,1% trong tháng 6 và ghi nhận mức thất nghiệp cao nhất kể từ tháng 10/2021. Có vẻ như nền kinh tế đang phải chịu một áp lực rất lớn khi Fed duy trì mức lãi suất cao trong khi tăng trưởng tiền lương tiếp tục duy trì cao hơn mức lạm phát. Tuy vậy một bức tranh suy thoái kinh tế Mỹ đang rõ ràng hơn bao giờ hết.

### DXY giảm sốc



Nguồn: Investing, ABS Research

### Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (Đơn vị : %)

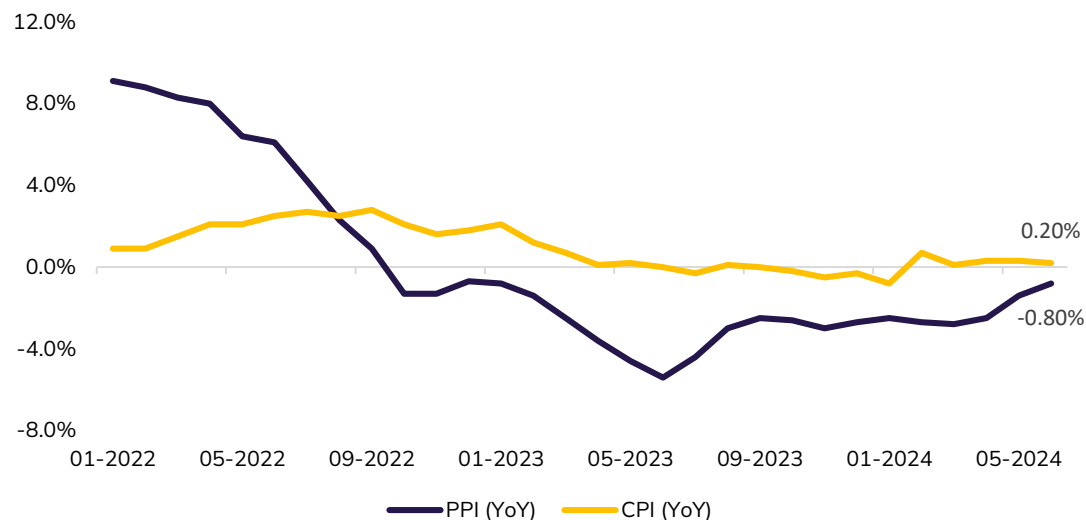


Nguồn: Investing, ABS Research

- Trong cuộc họp FOMC vào tháng 7, các quan chức FED ám chỉ rằng thời điểm hạ lãi suất đang ở rất gần và điều này phụ thuộc vào các số liệu kinh tế. Với việc băng lương phi nông nghiệp yếu, sản xuất thu hẹp và lạm phát thì vẫn chưa giảm về mức kỳ vọng, dường như Fed sẽ phải hạ lãi suất để kích thích nền kinh tế nếu không muốn Mỹ rơi vào khủng hoảng kinh tế. Theo công cụ FedWatch của CME, có 100% tỷ lệ Fed sẽ giảm lãi suất vào tháng 9, trong đó có tới 75% cho rằng Fed sẽ giảm 0.5% thay vì 0.25%. ABS cho rằng việc trì hoãn thời điểm hạ lãi suất để chờ đợi lạm phát của Fed đã khiến cho nền kinh tế suy yếu nghiêm trọng và có thể mức giảm 0.25% sẽ không còn đủ để kích thích việc làm trở lại, kịch bản cho một cú hạ cánh “cứng” đang là rất rõ ràng.
- Chỉ số sức mạnh đồng Đô-la DXY đã giảm mạnh trong đầu tháng 8 về mốc 102.6 tương đương mức giảm 3.08% kể từ đầu tháng 7.

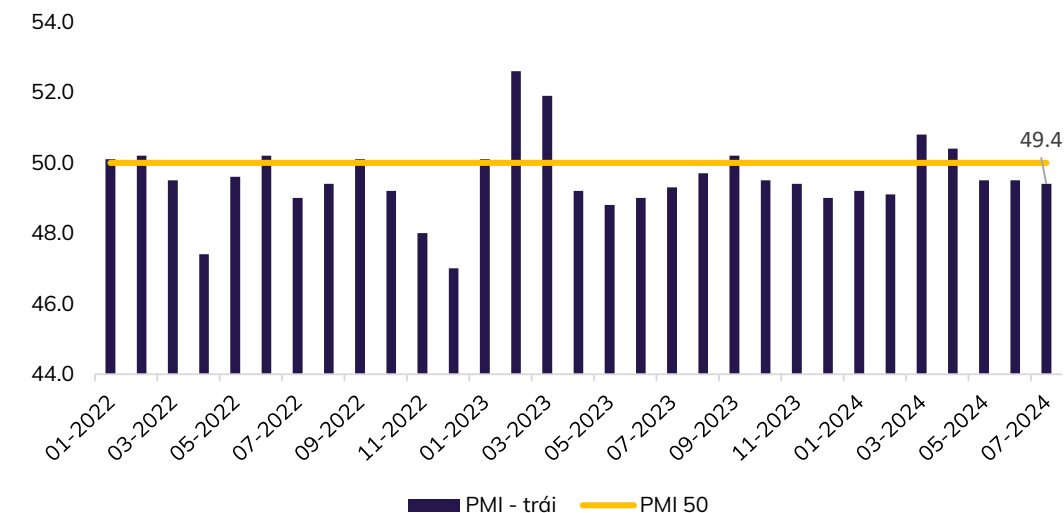
- Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm đạt mức 3.7% trong ngày 5/8, đánh dấu mức thấp nhất trong vòng hơn 1 năm qua khi giới chuyên môn đặt cược vào khả năng Fed sẽ giảm lãi suất một cách dứt khoát hơn. Dòng tiền rút ra khỏi thị trường chứng khoán cũng đã đổ dồn qua thị trường trái phiếu chính phủ khi lượng giao dịch tăng đột biến, đẩy giá TPCP Mỹ 10 năm lên cao từ đó khiến lợi suất giảm mạnh.
- Tại các kỳ hạn khác, thậm chí mức giảm còn lớn hơn rất nhiều, lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 1 năm giảm tới 100 điểm cơ bản trong tháng 7, điều tương tự cũng diễn ra với kỳ hạn 2 năm và 5 năm trong khi kỳ hạn 10 năm ghi nhận mức giảm 60 điểm cơ bản kể từ đầu tháng 7. Chỉ số “Volatility S&P500” đạt 51 điểm lần đầu tiên kể từ đại dịch Covid-19, thể hiện nền kinh tế Mỹ đang biến động rất mạnh.

## Lạm phát không tăng



Nguồn: Investing, ABS Research

## Ngành sản xuất có tháng thứ 3 liên tiếp thu hẹp



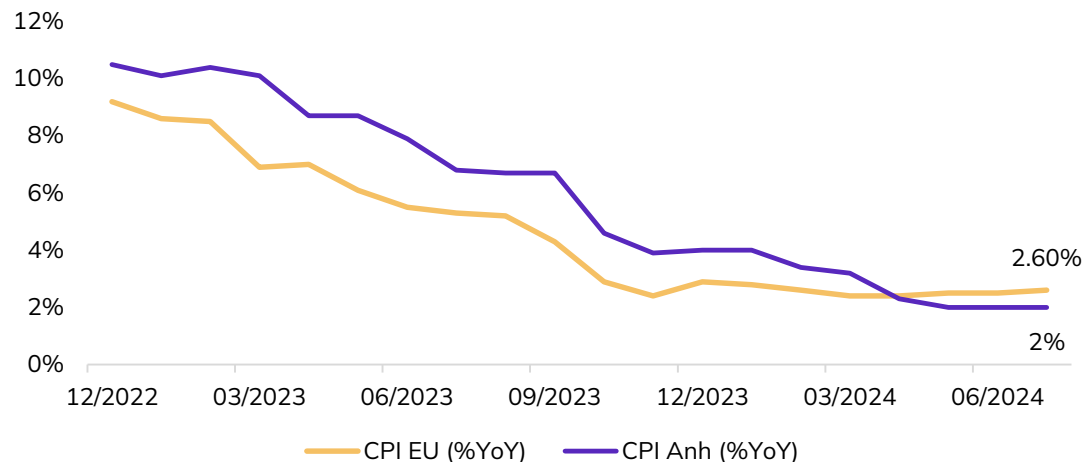
Nguồn: Investing, ABS Research

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2024 tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2023 và giảm so với mức 0,3% của tháng trước và thấp hơn so với mức dự báo của thị trường là 0,4%. Mức CPI thấp hơn nhiều so với kỳ vọng là chỉ báo rằng sức phục hồi của nền kinh tế Trung Quốc còn rất yếu ớt. Giá thực phẩm đã giảm trong tháng thứ 12 liên tiếp mặc dù giá thịt lợn tăng mạnh trong lễ hội Tết Đoan Ngọ cùng với chi phí vận tải tiếp tục giảm sâu. Trong khi đó, lạm phát không bao gồm thực phẩm vẫn ổn định ở mức 0,8%.
- Chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) ghi nhận mức giảm 0,8% svck, phù hợp với dự báo của thị trường và giảm nhẹ so với mức giảm 1,4% của tháng 5. Đây là tháng thứ 21 liên tiếp của tình trạng giảm phát giá sản xuất, phản ánh sự biến động của giá hàng hóa toàn cầu và nhu cầu nội địa không đáp ứng đủ đối với một số hàng hóa công nghiệp.

- Theo số liệu công bố ngày 30/7 của Tổng Cục thống kê Trung Quốc, chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất nước này tháng 7 đạt 49.4, giảm nhẹ so với mức 49.5 trong tháng 6, tiếp tục duy trì đà thu hẹp. Nguyên nhân do nhu cầu tiếp tục suy yếu, số lượng đơn đặt hàng giảm còn 49.3 từ mốc 49.5 trong tháng 6. Trong khi rủi ro giảm phát ngày càng gia tăng, suy thoái bất động sản kéo dài và tỷ lệ thất nghiệp ở thanh niên cao kỷ lục.
- Chỉ số PMI Caixin (chỉ số tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ với thiên hướng xuất khẩu) cũng không khá khẩm hơn là bao khi đạt 49.8 trong tháng 7, chính thức quay trở lại mức thu hẹp sau một tháng 6 mở rộng với 51.8 điểm. Sức mua đã giảm lần đầu tiên kể từ tháng 10/2023 dẫn đến sự gia tăng hàng tồn kho và tốc độ tăng trưởng đầu ra hàng hóa ở mức chậm nhất trong hơn 1 năm qua.

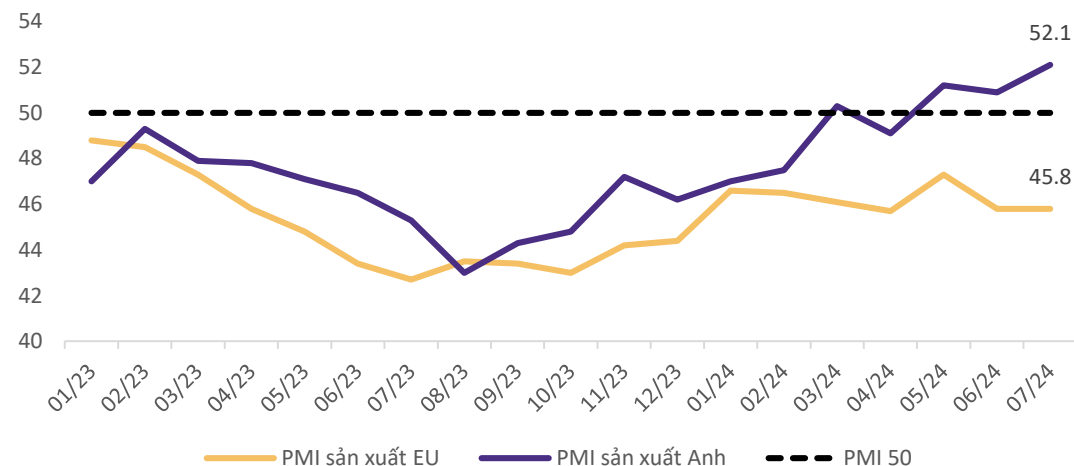
## EU gần đạt mục tiêu lạm phát

CPI EU tăng vượt kỳ vọng



Nguồn: Investing, ABS Research

Tháng huy hoàng của sản xuất Vương quốc Anh



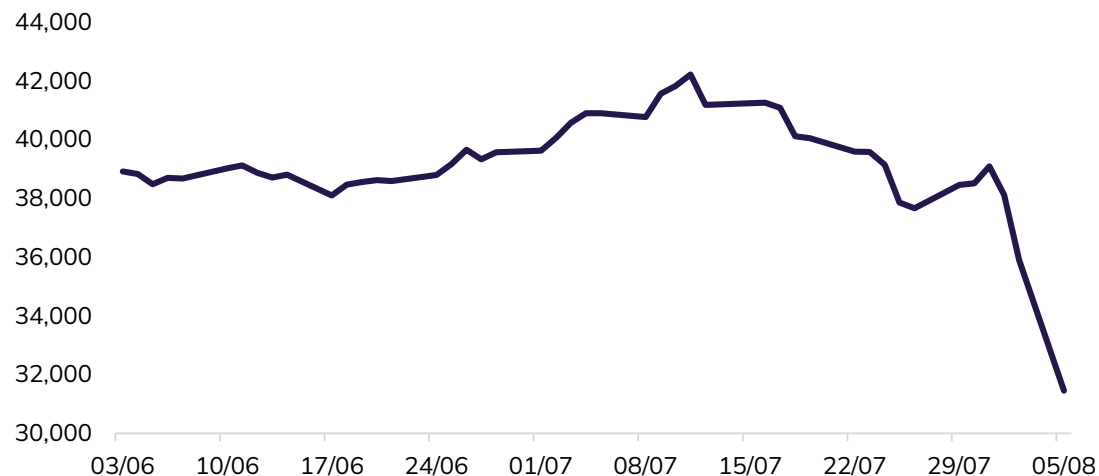
Nguồn: Investing, ABS Research

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2024 của EU tăng 2.6% so với cùng kỳ, cao hơn mức 2.5% đạt được tháng trước đó và tăng mạnh so với mức dự báo là 2.4%. Giá năng lượng tăng mạnh 1.3% svck, cao hơn rất nhiều so với mức 0.2% của tháng 6. Giá hàng công nghiệp phi năng lượng cũng tăng 0.8% svck. Trong các nền kinh tế lớn nhất của khối EU, lạm phát tại Đức đạt 2.6% trong tháng 7 so với 2.5% trong tháng 6, Pháp cũng có mức tăng tương tự, Ý đặt 1.7% so với 0.9% và Tây Ban Nha giảm còn 2.9% so với 3.6%.
- Chỉ số giá tiêu dùng ở Anh tiếp tục duy trì ở mức thấp 2% vào tháng 7/2024. Mặc dù lạm phát đã ở mức thấp nhưng BoE vẫn chưa cho thấy động thái cắt giảm lãi suất một cách chủ động và có vẻ như cơ quan này đang chờ đợi bước đi tiếp theo của Fed. Sau khi Keir Starmer của Đảng Lao Động lên nắm quyền, kinh tế nước Anh dường như đang tăng trưởng chậm lại trong khi làn sóng bạo loạn biểu tình diễn ra khắp nước Anh phản đối dân nhập cư của phe cực hữu.

- PMI sản xuất khu vực Eurozone đạt 45.8 điểm, tiếp tục duy trì mức thu hẹp đáng thất vọng của tháng trước nhưng đã tăng nhẹ so với mức 45.6 kỳ vọng. Số lượng đơn đặt hàng mới giảm nhanh hơn, đánh dấu 14 tháng giảm liên tiếp, khiến các nhà máy phải phụ thuộc vào lượng đơn hàng sẵn có để ngăn chặn sự sụt giảm sản lượng nghiêm trọng hơn. Trong khi đó, nhu cầu giảm khiến các công ty giảm tuyển dụng và giảm nhập nguyên liệu đầu vào.
- Chỉ số sản xuất PMI của Anh được điều chỉnh tăng lên 52,1 vào tháng 7 năm 2024, từ mức sơ bộ 51,8 và so với 50,9 vào tháng 6. Đây là mức mở rộng mạnh nhất của ngành sản xuất kể từ tháng 7 năm 2022. Có sự phục hồi toàn diện trong sản lượng, với khối lượng sản xuất tăng ở các ngành hàng tiêu dùng và hàng hóa đầu tư được thúc đẩy bởi số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu ổn định. Trong khi đó, áp lực lạm phát chi phí đầu vào tiếp tục gia tăng khiến các công ty tăng giá bán, đẩy lạm phát giá đầu ra lên mức cao nhất kể từ tháng 5 năm 2023.

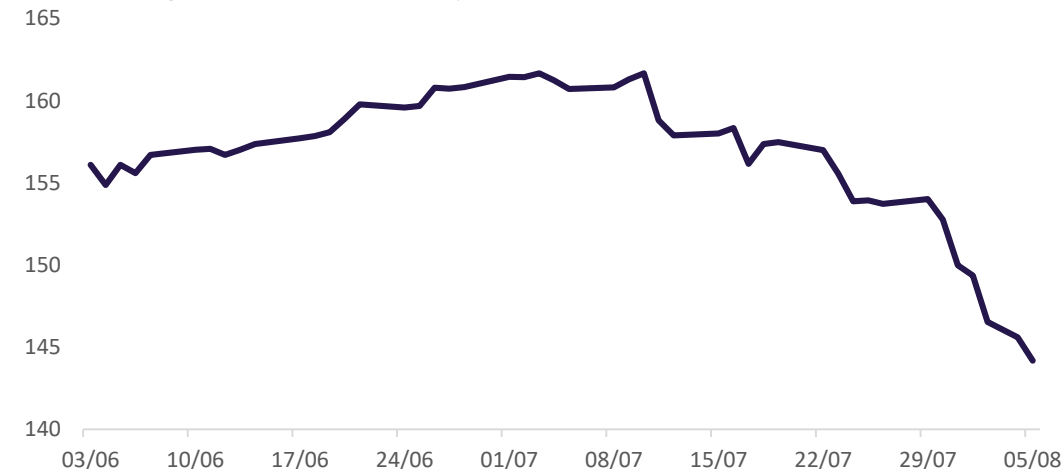
## ☛ Ngày đen tối của TTCK Nhật Bản

### Chỉ số Nikkei 225 lao dốc nhanh chưa từng thấy



Nguồn: Investing, ABS Research

### USD/JPY giảm nhanh sau quyết định lãi suất



Nguồn: Investing, ABS Research

- Ngày 05/08/2024 có lẽ sẽ đi vào lịch sử của chứng khoán Nhật Bản khi chứng kiến chỉ số Nikkei 225 giảm 4.451 điểm tương đương 12,4%, mức giảm sâu nhất trong lịch sử tài chính của xứ sở hoa anh đào. Nhật Bản là một đất nước phụ thuộc vào xuất khẩu, từ các mặt hàng thiết bị điện tử hay công nghiệp của các tập đoàn lớn như Mitsubishi, Toyota, Mitsui cho đến lĩnh vực du lịch đều đóng góp tỷ trọng rất lớn cho nền kinh tế Nhật Bản. Vì vậy tỷ giá đồng Yên đóng một vai trò tối quan trọng. Chỉ trong tháng 7 vừa qua, USD/JPY đã giảm tới 12% tức đồng JPY tăng giá mạnh.
- Đồng Yên tăng cao sẽ rất bất lợi cho nền kinh tế Nhật Bản khi hàng hóa xuất khẩu trở nên đắt đỏ và kém cạnh tranh, từ đó làm giảm lợi nhuận. Trong quá khứ, đồng Yên Nhật chưa từng tăng giá nhanh như hiện nay. Lần gần nhất đã từ năm 1985 khi Nhật Bản kí thỏa ước Plaza làm tăng giá trị đồng Yên và đây cũng chính là lí do bắt nguồn của thập niên mất mát vào những năm 90.
- Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) tiếp tục tăng lãi suất lên 0.25% ngày 31/7/2024. Như vậy chỉ trong vòng chưa đầy 30 ngày, Nhật Bản đã có 2 lần tăng lãi suất, 1 lần lên mức 0,1% và lần tiếp theo lên mức 0,25% và đây cũng là mức lãi suất cao nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 của Nhật Bản. Lãi suất tăng cao khiến những người vay vốn bằng JPY trước đây với giá rẻ, buộc phải bán tháo các tài sản tài chính khác để trả nợ.
- BoJ cũng sẽ cắt giảm 50% số lượng trái phiếu chính phủ mà NHTW mua vào, với quy mô ở mức 6.000 tỷ Yên mỗi tháng đến tháng 3/2026, xuống còn 3.000 tỷ Yên/tháng trong bối cảnh BoJ bắt đầu thắt chặt định lượng, một quá trình nhằm giảm quy mô bảng cân đối kế toán khổng lồ của ngân hàng này.
- Lãi suất cao hơn đồng nghĩa với việc doanh nghiệp và hộ gia đình phải trả nhiều tiền hơn để vay vốn. Trong khi đó, người tiêu dùng sẽ được hưởng lợi từ lãi suất tiền gửi cao hơn tại một đất nước ưa chuộng tiền mặt như Nhật Bản.



# TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM



Trải nghiệm ngay  
ứng dụng ABS invest

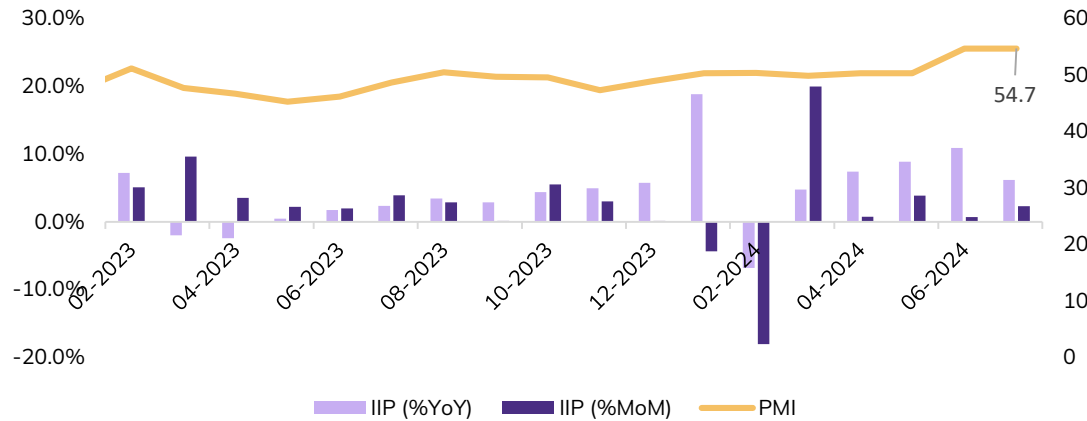


Mở tài khoản để tham gia  
room tư vấn của Trung  
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



# • Sản xuất duy trì mở rộng ấn tượng

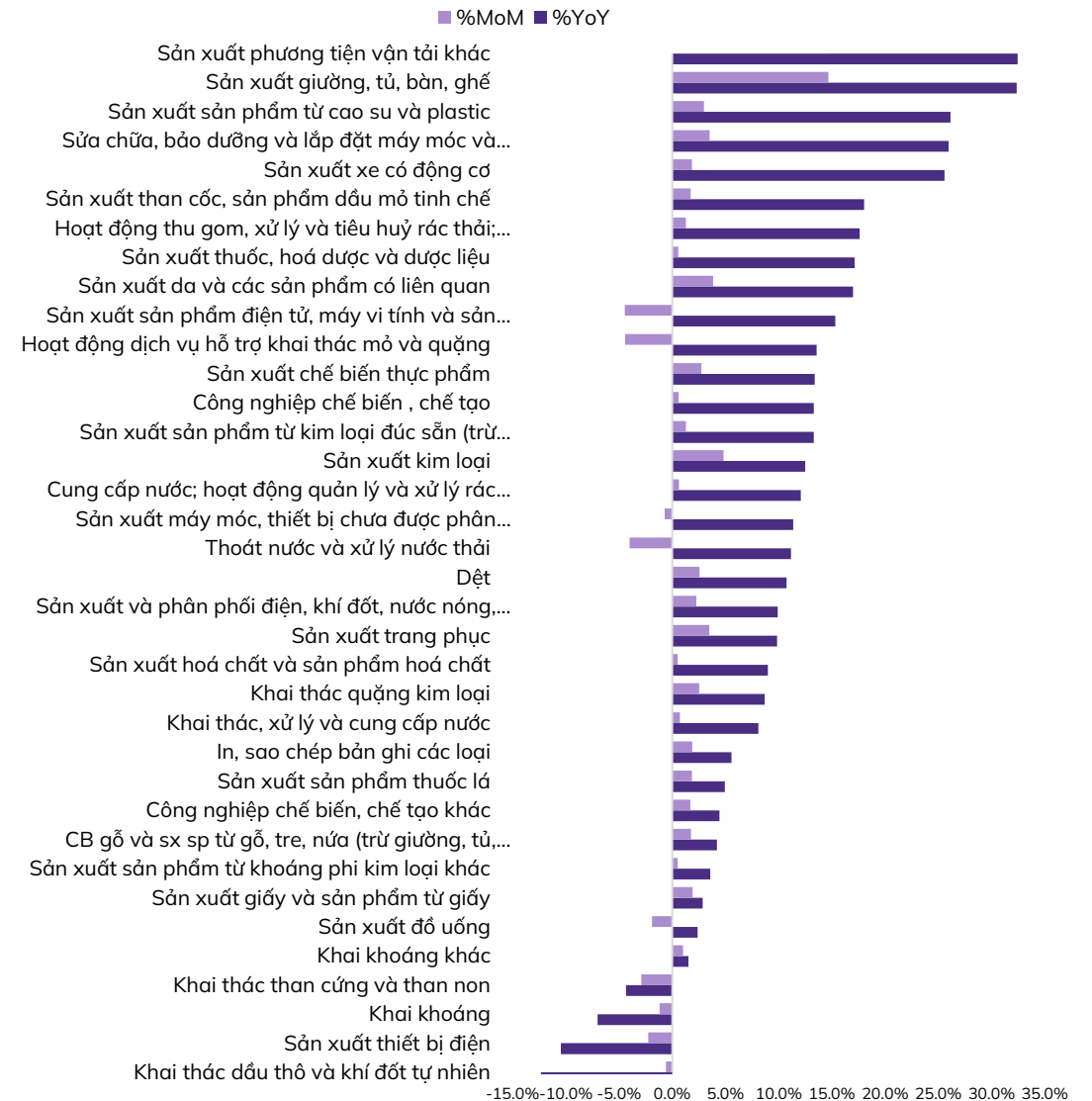
## Chỉ số PMI duy trì mức mở rộng kỷ lục



Nguồn: GSO, S&P Global, ABS Research

- Chỉ số **PMI** đạt 54,7 điểm trong tháng 7, xuất sắc giữ vững được mức mở rộng ấn tượng của tháng 6. Số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng mạnh khiến các nhà sản xuất tăng sản lượng, và tốc độ tăng trưởng đã nhanh gần bằng mức cao kỷ lục. Thậm chí số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh đến mức các công ty đã phải sử dụng hàng tồn kho thành phẩm với một trong những mức độ cao nhất từng được ghi nhận, bất kể những nỗ lực tăng việc làm và hoạt động mua hàng hóa đầu vào. Trong khi đó, chi phí đầu vào và giá cả đầu ra tiếp tục tăng có thể đánh dấu một giai đoạn tăng trưởng tốt giúp thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng.
- Chỉ số IIP** cũng duy trì đà tăng trưởng tích cực. IIP tháng 7/2024 tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2024, IIP ước tính tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 0,8%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,5%, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12,4%, ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,2%, riêng ngành khai khoáng giảm 6,2%, làm IIP giảm 0,9 điểm phần trăm.

## Thống kê tăng trưởng sản xuất công nghiệp theo nhóm ngành (07/2024)



Nguồn: GSO, ABS Research

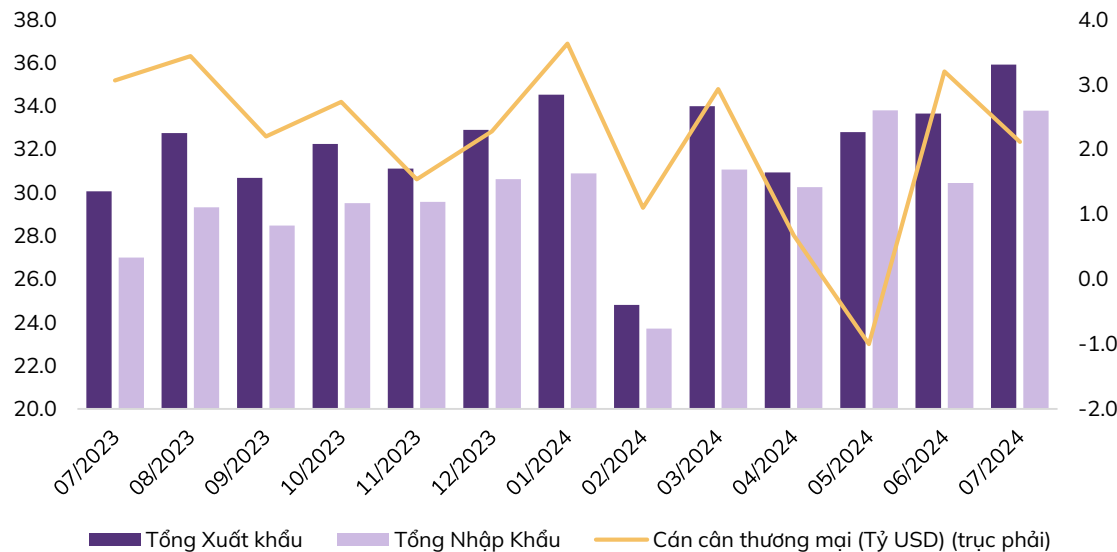


## Kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng mạnh

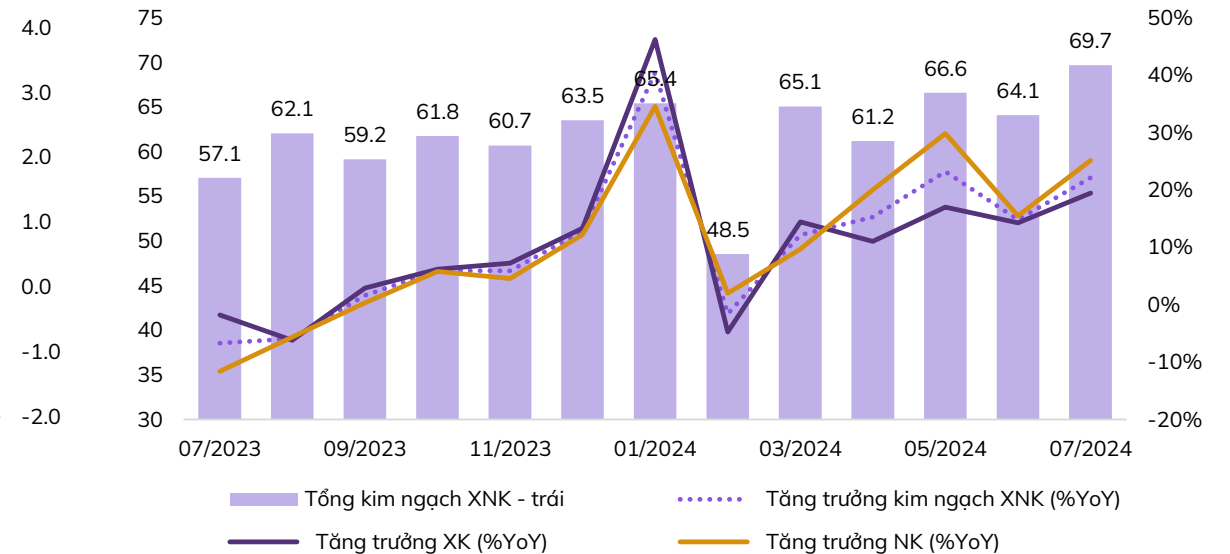
- Xuất – nhập khẩu:** Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 7/2024, ước đạt 69,72 tỷ USD, tăng 8,7% so với tháng trước và tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước.
- Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 35,92 tỷ USD, tăng 6,7% so với tháng trước và tăng 21,9% svck. Trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 9,8%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 5,6% MoM. Nhập khẩu hàng hóa ước đạt 33,8 tỷ USD, tăng 11% so với tháng trước và tăng 24,7% svck.
- Như vậy, tháng 7/2024 ước tính xuất siêu 2,12 tỷ USD.
- Tính chung 7 tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 439,88 tỷ USD, tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu hàng hóa đạt 226,98 tỷ USD tăng 15,7%; nhập khẩu đạt 212,9 tỷ USD, tăng 18,5%.

- Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 66,1 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 79,2 tỷ USD.
- Trong 7T2024 có 9 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 70,8%. Trong đó đồ điện tử và linh kiện đạt 39.8 tỷ USD, tăng 30% svck, điện thoại và linh kiện đạt 32.4 tỷ USD, tăng 12.3% svck, máy móc thiết bị đạt 27.6 tỷ USD tăng 19% svck., dệt may đạt 19.8 tỷ USD, tăng 4.2% svck.
- Trong 7T2024 có 10 mặt hàng nhập khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 62,5% tổng kim ngạch nhập khẩu bao gồm hàng điện tử, máy tính và linh kiện đạt 58.8 tỷ USD, tăng 28% svck, máy móc thiết bị đạt 26 tỷ USD, tăng 14.6% svck, vải, sắt thép và chất dẻo lần lượt tăng 14.8%, 23.4% và 17.5% svck.

**Xuất siêu thêm 2,12 tỷ USD trong tháng 7 (Đvt: Tỷ USD, %YoY)**



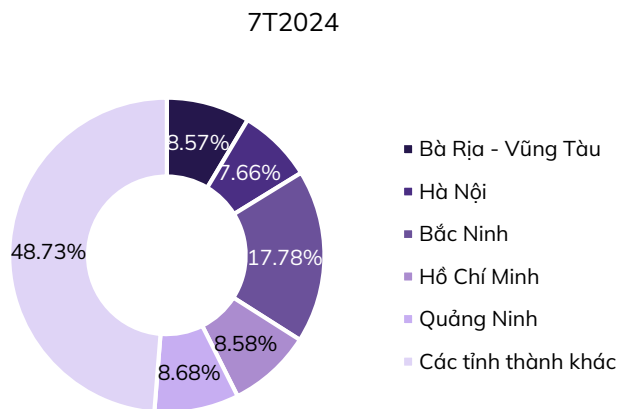
**Kim ngạch xuất nhập khẩu tiếp tục tăng mạnh (Đvt: Tỷ USD, %YoY)**



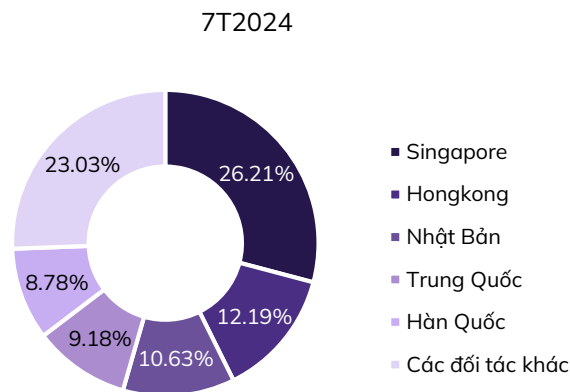
# FDI vẫn là điểm sáng

- Tính đến 20/7/2024, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 18 tỷ USD, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước. Có 1.816 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 10.76 tỷ USD, tăng 11.6% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 35.6% về số vốn đăng ký. Về vốn thực hiện, 7 tháng đầu năm, vốn giải ngân đạt khoảng 12.55 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2023. Riêng tháng 7/2024 đã ghi nhận tổng lượng vốn đăng ký hơn 2,8 tỷ USD, chiếm 15,6% tổng vốn đầu tư trong 7 tháng, xếp thứ 3 trong 7 tháng đầu năm (sau tháng 6 và tháng 4/2024).
- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 12,65 tỷ USD, chiếm 70,3% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 15,7% so với cùng kỳ. Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư hơn 2,87 tỷ USD, chiếm gần 16% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 78% so với cùng kỳ.
- Về đối tác đầu tư, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 6,52 tỷ USD, chiếm gần 36,2% tổng vốn đầu tư, tăng 79,1% so với cùng kỳ 2023. Hồng Kông đứng thứ hai với hơn 2,19 tỷ USD, chiếm 12,2% tổng vốn đầu tư, gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ. Tiếp theo là Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc...
- Về địa bàn đầu tư, Bắc Ninh dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 3,2 tỷ USD, chiếm gần 17,8% tổng vốn đầu tư cả nước, gấp hơn 3 lần cùng kỳ. Tiếp theo là Quảng Ninh với hơn 1,56 tỷ USD, chiếm 8,7% tổng vốn đầu tư đăng ký và gấp hơn 2,2 lần so với cùng kỳ. TP.HCM đứng thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 1,55 tỷ USD, chiếm gần 8,6% tổng vốn đầu tư cả nước. Tiếp theo lần lượt là Bà Rịa - Vũng Tàu, Hà Nội, Hải Phòng.

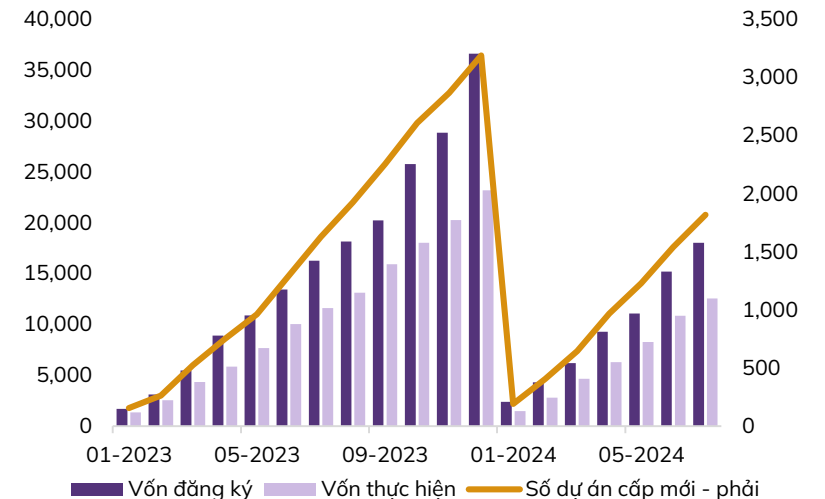
Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo địa phương



Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo đối tác

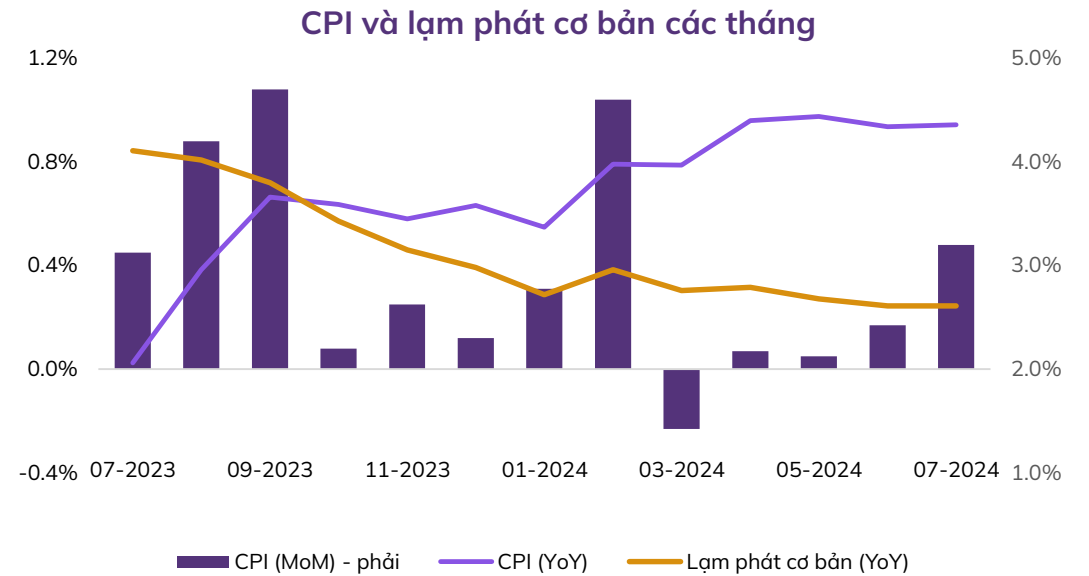


Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Đvt: Tỷ USD)



## ◉ Lạm phát tiếp tục ở mức cao

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7-2024 tăng 4.36% so với cùng kỳ năm 2023, tăng 0,48% so với tháng trước.
- Trong mức tăng 0,48% của CPI tháng 7/2024 so với tháng trước, thống kê cho thấy có 10 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, riêng nhóm bưu chính, viễn thông ổn định giá. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,77% chủ yếu do giá bảo hiểm y tế tăng 28,45% khi mức lương cơ sở được điều chỉnh từ 1,8 triệu đồng/tháng lên 2,34 triệu đồng/tháng. Nhóm giao thông tăng 1,45 chủ yếu do: giá dầu diezen tăng 4,07% và giá xăng trong nước tăng 3,55%. Giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 20,44% do nhu cầu đi lại tăng trong đợt hè.
- Bình quân 7 tháng năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,73% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,12%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế và xăng dầu là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.



Nguồn: GSO, ABS Research

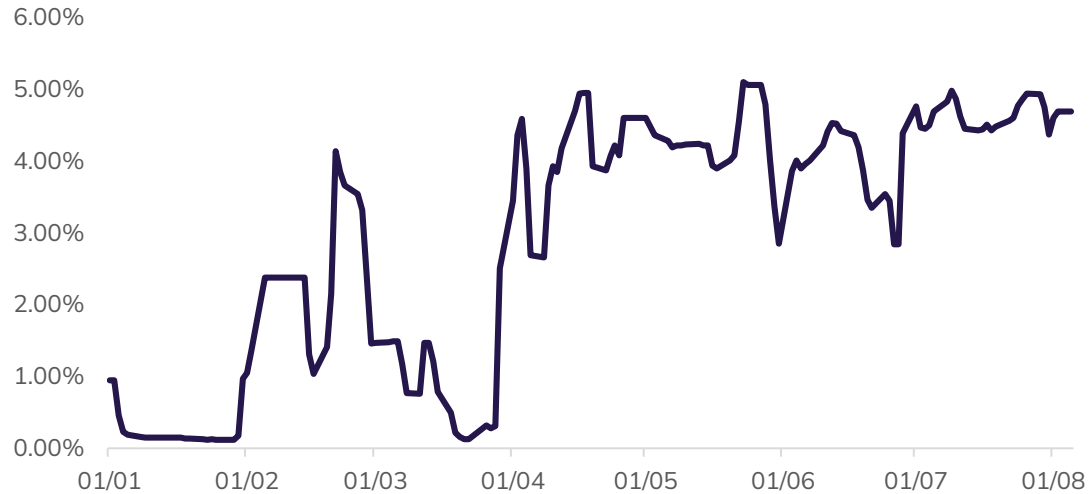
### Thống kê giỏ hàng hóa tiêu dùng các tháng

Giỏ hàng hóa tiêu dùng	07-2023	08-2023	09-2023	10-2023	11-2023	12-2023	01-2024	02-2024	03-2024	04-2024	05-2024	06-2024	07-2024
<b>CPI (YoY)</b>	<b>2.06%</b>	<b>2.96%</b>	<b>3.66%</b>	<b>3.59%</b>	<b>3.45%</b>	<b>3.58%</b>	<b>3.37%</b>	<b>3.98%</b>	<b>3.97%</b>	<b>4.40%</b>	<b>4.44%</b>	<b>4.34%</b>	<b>4.36%</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	2.59%	2.31%	2.87%	2.81%	2.98%	2.93%	2.31%	4.23%	4.05%	4.32%	4.47%	4.66%	4.27%
Lương thực	3.79%	6.99%	10.49%	11.34%	13.24%	14.66%	15.63%	17.36%	16.54%	15.45%	14.83%	14.78%	14.39%
Thực phẩm	1.80%	0.94%	1.17%	0.93%	0.91%	0.70%	-0.34%	2.14%	1.94%	2.49%	2.87%	3.23%	2.75%
Ăn uống ngoài gia đình	4.04%	3.77%	4.00%	4.00%	3.97%	3.77%	3.60%	4.20%	4.29%	4.37%	4.25%	4.09%	3.94%
Đồ uống và thuốc lá	3.05%	3.06%	3.04%	2.84%	2.77%	2.46%	1.70%	2.64%	2.63%	2.60%	2.61%	2.63%	2.52%
May mặc và giày dép	2.02%	2.03%	2.06%	1.97%	1.95%	1.80%	1.39%	1.64%	1.60%	1.80%	1.70%	1.48%	1.34%
Nhà ở và VLXD	6.51%	7.14%	7.33%	6.88%	5.91%	5.67%	6.39%	4.95%	4.87%	5.97%	5.30%	5.60%	5.59%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	1.95%	1.83%	1.79%	1.70%	1.50%	1.37%	1.14%	1.31%	1.18%	1.37%	1.33%	1.23%	1.15%
Thuốc và dịch vụ y tế	0.61%	0.55%	0.58%	0.54%	3.39%	5.53%	6.52%	6.52%	6.48%	7.44%	7.41%	8.04%	8.13%
Giao thông	-9.29%	-0.31%	3.20%	3.90%	1.63%	2.57%	1.58%	2.55%	2.68%	4.24%	5.58%	3.03%	4.40%
Bưu chính viễn thông	-0.95%	-1.11%	-1.29%	-1.34%	-1.42%	-1.36%	-1.41%	-1.48%	-1.47%	-1.50%	-1.42%	-1.18%	-1.06%
Giáo dục	5.57%	5.05%	7.25%	7.14%	8.23%	8.36%	8.39%	8.55%	10.12%	8.31%	8.14%	8.01%	8.00%
Văn hóa, giải trí và du lịch	1.70%	1.35%	1.37%	1.34%	1.21%	1.22%	0.90%	1.71%	1.45%	1.94%	2.01%	2.35%	2.29%
Đồ dùng và dịch vụ khác	5.88%	5.89%	5.93%	5.91%	6.02%	6.11%	5.79%	6.49%	6.32%	6.23%	6.19%	5.97%	6.93%

Nguồn: GSO, ABS Research

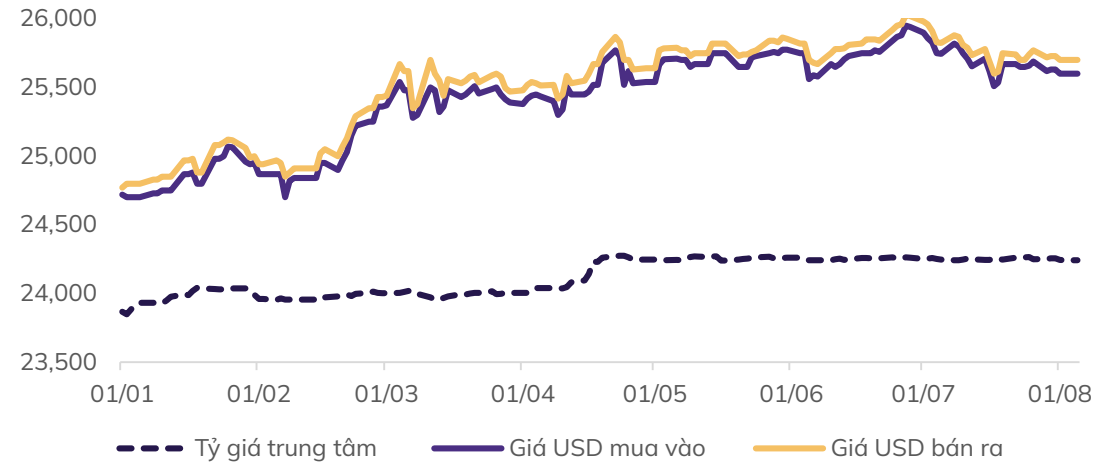
## Tỷ giá đã hết nóng?

### Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm từ đầu năm 2024-nay



Nguồn: SBV, ABS Research

### USD/VND đã ổn định



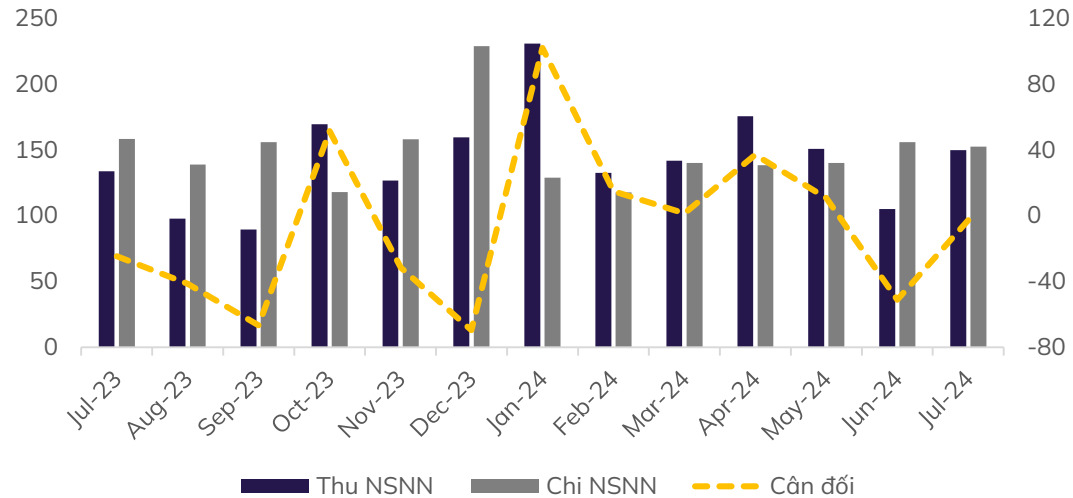
Nguồn: ABS Research

- Ngày 5/8 chứng kiến diễn biến biến động đáng chú ý trên thị trường tiền tệ khi Ngân hàng Nhà nước đã đồng loạt giảm lãi suất cho vay cầm cố giấy tờ có giá (OMO) và lãi suất tín phiếu.
- Cũng trong ngày này, NHNN đã cho 7 thành viên thị trường vay gần 13.669 tỷ đồng thông qua kênh cầm cố giấy tờ có giá (OMO) với kỳ hạn 7 ngày và lãi suất 4,25%/năm. So với phiên trước đó, quy mô cho vay OMO của NHNN đã tăng gấp hơn 2 lần và lãi suất cho vay giảm 0,25 điểm %, từ 4,5%/năm xuống 4,25%/năm. Đây là lần đầu tiên NHNN giảm lãi suất OMO kể từ cuối năm 2023.
- Trước triển vọng Đô la Mỹ giảm và áp lực tỷ giá đã không còn là mối lo quá đáng ngại, việc giảm lãi suất OMO và tín phiếu của NHNN là nhằm thiết lập một hành lang lãi suất thấp hơn trên thị trường liên ngân hàng, giảm áp lực từ chi phí huy động cho các tổ chức tín dụng.

- Tại ngày 31/07/2024, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố tỷ giá trung tâm VND/USD ở mức 24.255 VND/USD, giảm 5 đồng so với thời điểm đầu tháng 7 và tăng 389 đồng so với đầu năm 2024. Trên thị trường tự do, giá bán USD ở mức 25.730 VND/USD, giảm 290 đồng so với tháng trước nhưng tăng 960 đồng so với hồi đầu năm.
- Tính đến hết tháng 7/2024, tỷ giá USD trên thị trường tự do giảm về mức 25.630 VND đổi một USD, qua đó giúp cho tiền đồng chỉ còn mất giá khoảng 3,68% so với đầu năm. Tỷ giá bán ra tại các ngân hàng thương mại hiện nay đã phần cũng đã giảm xuống dưới trần bán can thiệp của NHNN.

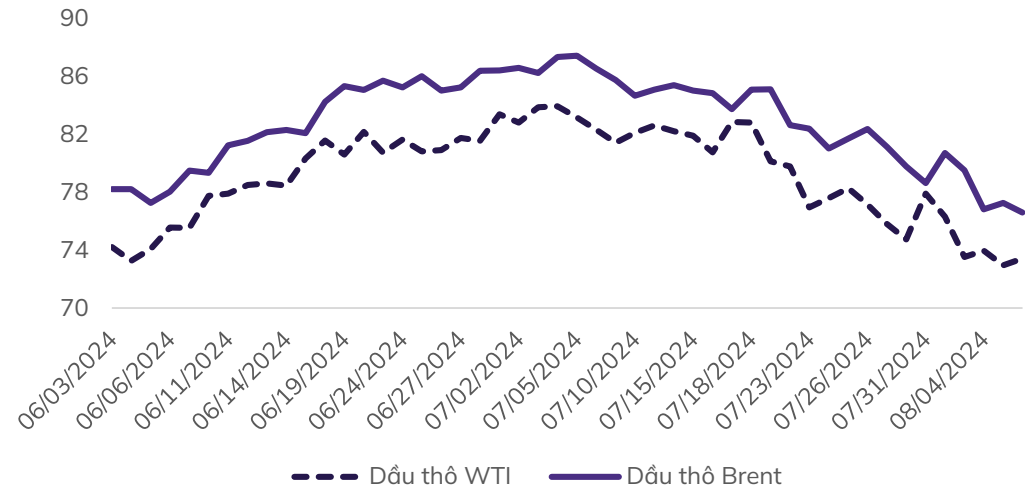
## Thu ngân sách đạt gần 70% dự toán

7 tháng đầu năm 2024 thu NSNN đạt 1.188 nghìn tỷ VND



Nguồn: GSO, ABS Research

Giá dầu biến động mạnh trong 2 tháng qua (VND/lượng)



Nguồn: Investing, ABS Research

- Về thu ngân sách nhà nước (NSNN), tổng thu NSNN thực hiện tháng 7 ước đạt gần 150 nghìn tỷ đồng, bằng 8,8% dự toán, bằng 86,7%. Lũy kế 7 tháng thu NSNN ước đạt 1.188.1 nghìn tỷ đồng, bằng 69,8% dự toán, tăng 14,6% so cùng kỳ năm 2023 (thu ngân sách trung ương ước đạt khoảng 74,7% dự toán, thu ngân sách địa phương ước đạt khoảng 65% dự toán).
- Tổng chi NSNN 7 tháng đầu năm ước đạt 948,3 nghìn tỷ đồng, bằng 44,7% dự toán và tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó chi cho đầu tư phát triển đạt 232,1 tỷ đồng, bằng 34,4% dự toán, chi trả nợ lãi đạt 63,2 nghìn tỷ đồng và chi thường xuyên đạt hơn 652,5 nghìn tỷ đồng, lần lượt bằng 56,5% và 51,8% dự toán.
- Số thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh có tăng trưởng so với cùng kỳ, do nền kinh tế đang dần khởi sắc, củng cố mạnh mẽ cho ngân sách nhà nước.

- Giá dầu đã giảm mạnh 12% trong tháng 7 từ vùng đỉnh 83 USD/thùng xuống chỉ còn 74 USD/thùng (mức thấp nhất trong vòng 8 tuần qua) vào đầu tháng 8 và hoàn toàn xóa bỏ đà tăng của loại hàng hóa này trong tháng 6.
- Giá dầu giảm phản ánh nỗi lo của các nhà đầu tư về một cuộc suy thoái kinh tế tiềm năng của thị trường Hoa Kỳ và nhu cầu yếu từ Trung Quốc (nhà nhập khẩu dầu thô lớn nhất thế giới). Tốc độ nhập khẩu dầu của Trung Quốc đã giảm tháng thứ 3 liên tiếp. Tuy nhiên đà giảm này đã chứng lại khi căng thẳng ở Trung Đông leo thang nghiêm trọng với việc Iran và Israel đang đứng trên bờ vực của một cuộc chiến toàn diện.

## ➤ Một số thông tin nổi bật tháng 7

Ngày	Nội dung	Tác động kỳ vọng
09/07/2024	Công văn số 4808/VPCP-KTTH ngày 9/7/2024, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao khẩn trương tập trung thực hiện quyết liệt các giải pháp kịp thời, phù hợp, hiệu quả để đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024	Tháo gỡ vướng mắc của các doanh nghiệp nhận vốn đầu tư công từ đó đẩy mạnh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng, hạn chế nguồn vốn khổng lồ còn tồn đọng chưa thể đẩy ra nền kinh tế.
30/07/2024	Nghị định 104/2024/NĐ-CP về Quỹ phát triển đất, có hiệu lực từ ngày 1/8/2024, thiết lập một quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Quỹ này hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì lợi nhuận, và có nhiệm vụ bảo toàn và phát triển vốn	Quỹ phát triển đất có chức năng tiếp nhận và huy động vốn để ứng vốn cho các dự án, sau đó được hoàn trả vốn theo quy định của pháp luật. Điều này tạo ra cơ chế tài chính linh hoạt hỗ trợ các dự án phát triển đất đai, giúp thúc đẩy quy hoạch và phát triển kinh tế tại địa phương.
30/07/2024	Chính phủ ban hành Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Theo Nghị định, giảm 50% tiền sử dụng đất khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với người nghèo, hộ gia đình hoặc cá nhân là người dân tộc thiểu số tại các địa bàn không có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.	Giảm bớt gánh nặng tài chính và khuyến khích phát triển kinh tế và cải thiện đời sống tại các khu vực khó khăn, góp phần thúc đẩy sự bình đẳng và phát triển bền vững.
30/07/2024	Bộ Tài chính vừa ban hành Thông tư số 52/2024/TT-BTC bãi bỏ một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong lĩnh vực thuế. Cụ thể là các thông tư: Thông tư số 181/2009/TT-BTC, Thông tư số 11/2010/TT-BTC, Thông tư số 151/2010/TT-BTC, Thông tư số 176/2010/TT-BTC, Thông tư số 104/2011/TT-BTC, Thông tư số 30/2013/TT-BTC, Thông tư số 141/2013/TT-BTC, Thông tư số 187/2013/TT-BTC	Chưa có tác động đáng kể, chủ yếu nhằm đơn giản hóa quy trình ngành thuế.
01/08/2024	Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã thăm cấp Nhà nước tới Ấn Độ từ ngày 30/7 đến ngày 1/8/2024. Nhân dịp này, lãnh đạo hai nước đã ra Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ Đối tác Chiến lược giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Ấn Độ.	Thúc đẩy hợp tác giữa Việt Nam và quốc gia đông dân nhất thế giới trong lĩnh vực ngoại giao, an ninh và hợp tác biển, hợp tác quốc phòng, trao đổi giữa các cơ quan lập pháp, thương mại và đầu tư, nông nghiệp, y tế, hàng không dân dụng, công nghệ thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, bao gồm năng lượng nguyên tử và vũ trụ, du lịch và văn hoá
03/08/2024	Mỹ chưa công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường: Bộ Thương mại Mỹ cho biết vẫn chưa xếp Việt Nam là nền kinh tế thị trường dù ghi nhận có nhiều chuyển biến tích cực.	Việc Mỹ chưa công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường có nghĩa rằng doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa vào nước này sẽ tiếp tục bị phân biệt đối xử trong các vụ điều tra chống bán phá giá, trợ cấp. Khi đó, chi phí sản xuất thực tế của doanh nghiệp Việt Nam sẽ không được dùng để tính toán biên độ phá giá mà phải sử dụng "giá trị thay thế" của một nước thứ ba, có thể bất lợi cho Việt Nam.



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

BIẾN ĐỘNG MẠNH



Trải nghiệm ngay ứng dụng ABS invest



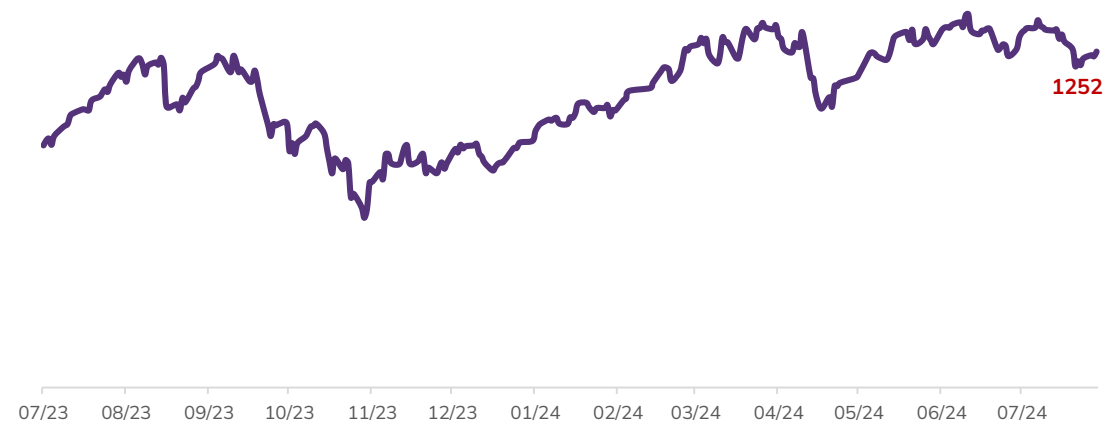
Tham gia room tư vấn miễn phí trên Zalo của ABS



## ĐIỀU CHỈNH MẠNH

- Đầu tháng 7, thị trường tiếp tục chứng kiến những nỗ lực vượt đỉnh 1300 không thành công. Chỉ số VN-Index rung lắc mạnh với biên độ lớn từ 1218 đến 1300 điểm. Kết phiên 31/7, VNIndex đạt mốc 1,251.51 điểm, tăng nhẹ 0,5% so với tháng trước.
- Trung bình GTGD/phiên trong tháng 7 giảm mạnh chỉ còn 16.970 tỷ đồng, giảm 26,5% so với số liệu tháng 06.
- TTCK trên thế giới cũng điều chỉnh mạnh. Chỉ số Nasdaq giảm 10% so với đỉnh, trong khi Dow Jones và S&P500 cũng đánh mất đà tăng liên tiếp trong những mối lo ngại về kinh tế suy thoái và sự thoái trào của các cổ phiếu công nghệ. Thị trường Nhật Bản giảm điểm mạnh trước làn sóng bán tháo của nhà đầu tư.

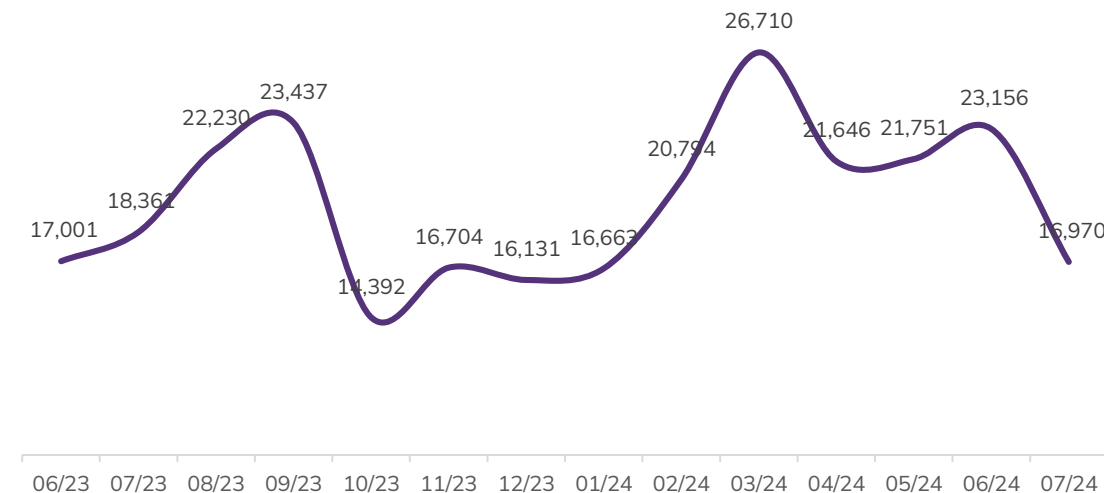
Diễn biến điểm số VNIndex trong 01 năm trở lại



Biến động chỉ số một số TTCK trên thế giới

	% thay đổi 1M	% thay đổi 3M	% thay đổi 6M	% thay đổi 12M
VNINDEX	0,5%	3,5%	7,5%	2,3%
Dow Jones	4,4%	8,0%	7,1%	14,9%
Nasdaq	-0,9%	12,1%	15,8%	22,4%
S&P 500	1,1%	9,7%	14,0%	20,3%
Shanghai	-1,1%	-5,6%	5,1%	-10,9%
DAX	1,5%	3,2%	9,5%	12,5%
Nikkei 225	-4,0%	-0,8%	5,0%	14,8%
SET	2,1%	-2,9%	-2,6%	-14,6%
FTSE 100	2,5%	2,7%	9,7%	8,7%

Trung bình GTGD/phiên của VNIndex trong 01 năm trở lại

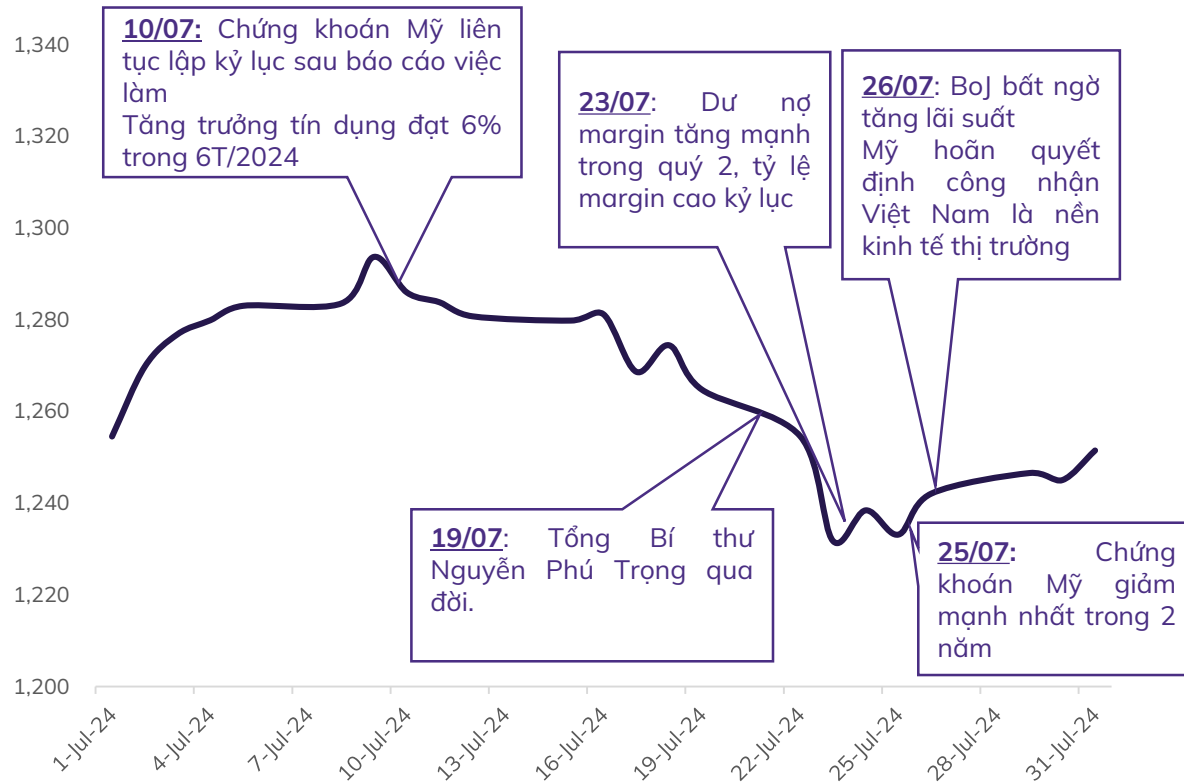




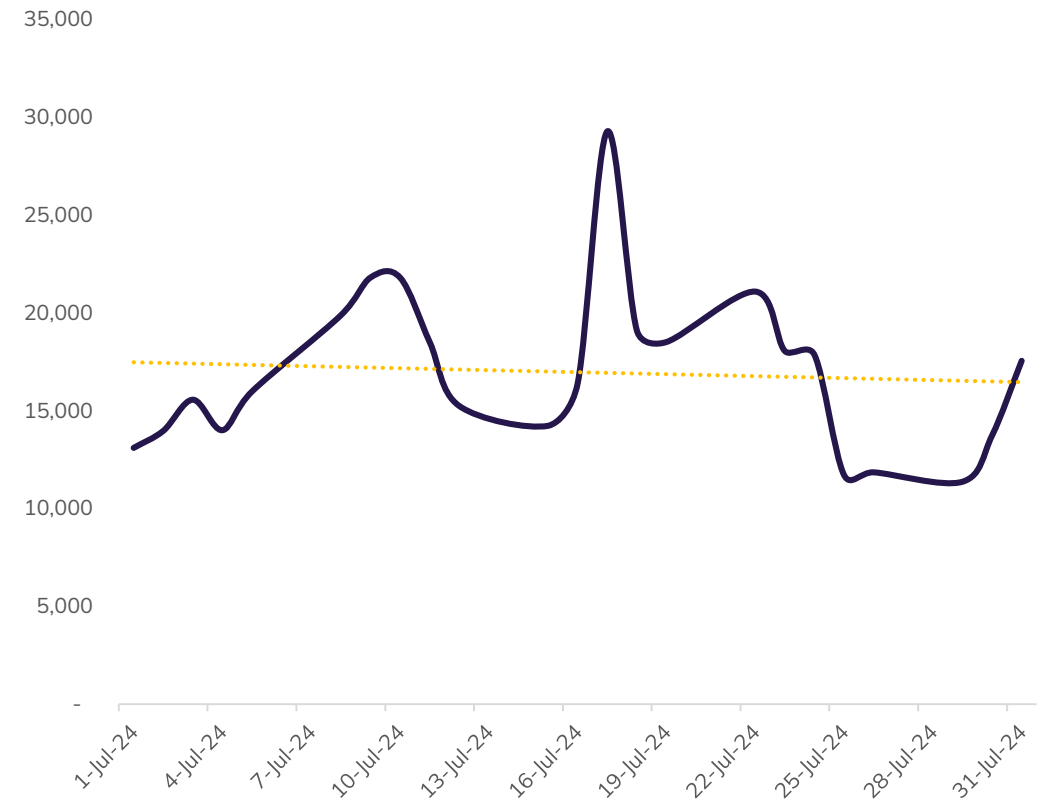
## Điểm lại một số phiên của VNIndex trong tháng 07

Chưa có nhiều tín hiệu tích cực rõ ràng. Giá trị giao dịch trung bình phiên giảm mạnh. Biến động thanh khoản tăng cao ở những phiên giảm điểm, đặc biệt tại phiên ngày 17/07 khi khối lượng bán chủ động đạt hơn 1200 triệu cổ phiếu, vượt cả mức cao nhất tháng 04/2024. Tuy nhiên tại những phiên tăng điểm phục hồi như 18/07, thanh khoản lại quay đầu giảm mạnh, cho thấy tâm lý chưa sẵn sàng tham gia vào thị trường của nhà đầu tư. Ngoài ra, trong “mùa báo cáo tài chính”, tình trạng “tin ra là bán” xảy ra với nhiều cổ phiếu kể cả khi có kết quả kinh doanh tốt. Ở chiều tích cực, sự tăng trưởng trong kết quả kinh doanh quý 2 của các doanh nghiệp có thể trở thành động lực để các nhà đầu tư tham gia thị trường khi tâm lý thận trọng được cởi bỏ và thị trường vào vùng định giá hấp dẫn hơn trong những phiên sắp tới.

### Biến động VNI trong tháng 07/24

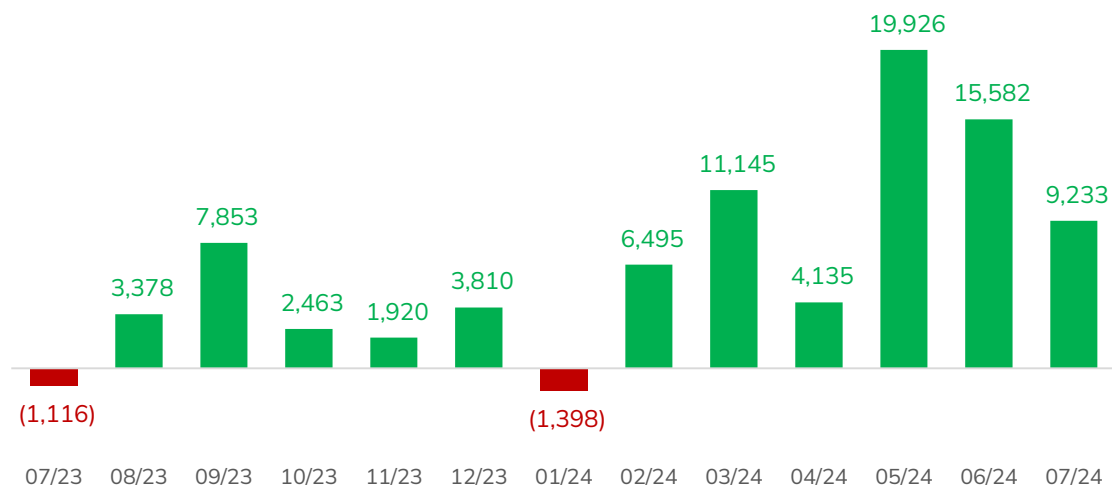


### Biến động thanh khoản VNI trong tháng 07

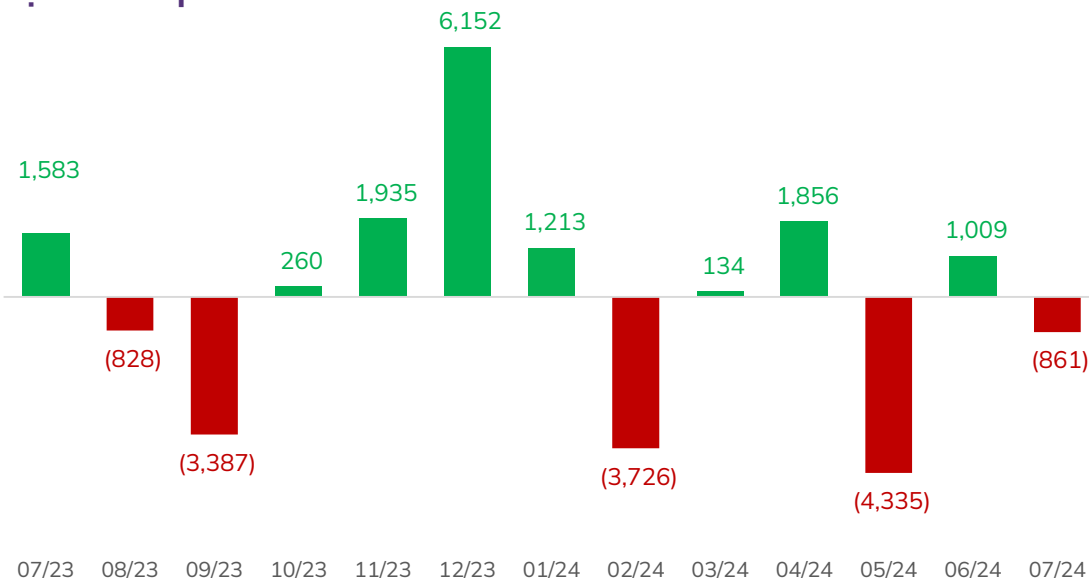


## Hành động của NĐT trong tháng 07

### Lực cầu từ NĐT cá nhân suy yếu

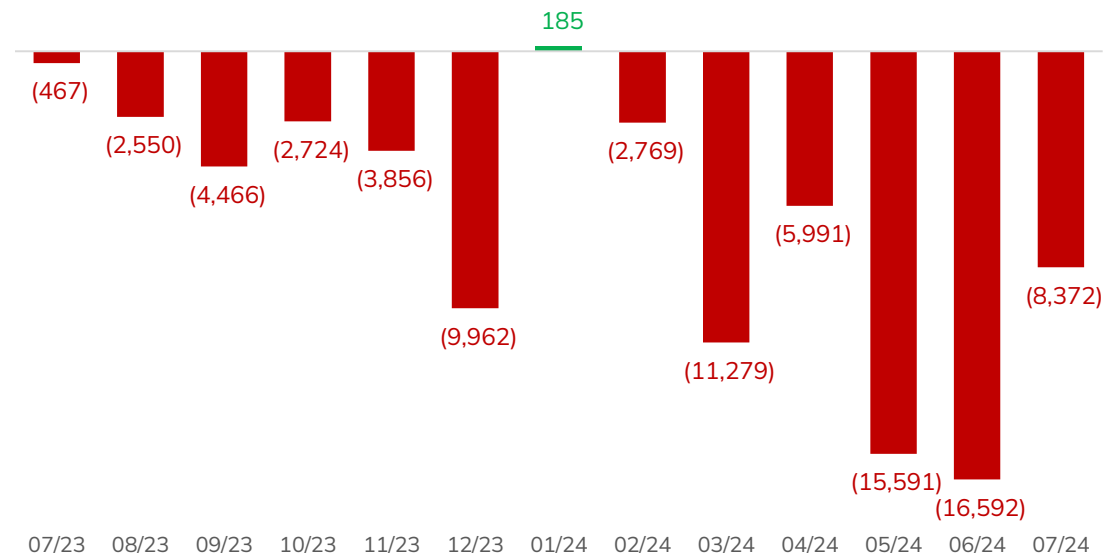


### Tự doanh phân hóa



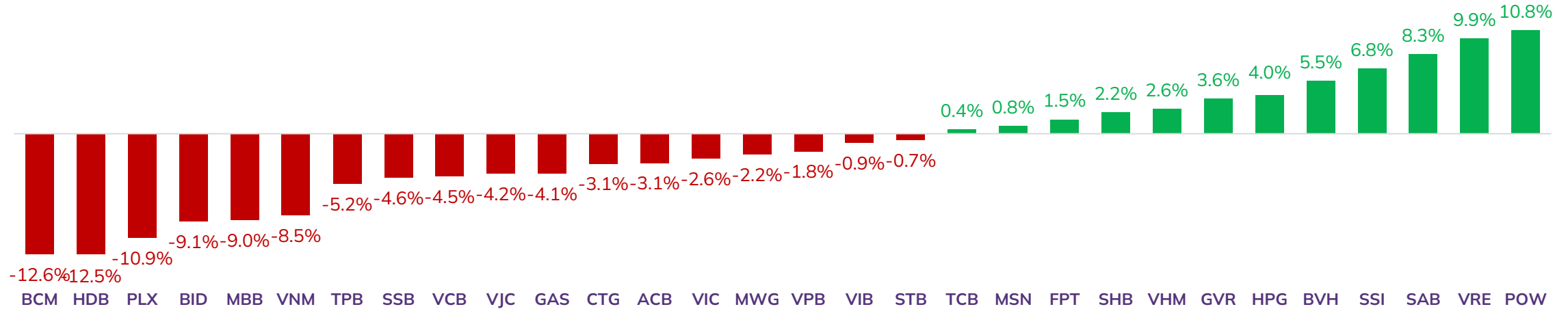
- **Lực cầu NĐT cá nhân suy yếu.** Với tâm lý thận trọng, NĐT cá nhân chỉ giải ngân 9.233 tỷ VND (giảm -40% so với tháng trước). Top mua ròng của nhà đầu tư cá nhân tập trung gồm: FPT, VRE, VHM, EIB, TCB, MSN, HPG
- **Nhìn chung, khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng với 17/23 phiên trong tháng.** Tuy nhiên, lực bán ròng của khối ngoại đã giảm hơn một nửa, chỉ còn 8.372 tỷ đồng so với 16.592 tỷ đồng trong tháng trước. Đầu tháng, kịch bản bán ròng tiếp diễn, thậm chí có những phiên như phiên 08/07, giá trị bán lên đến 2,265 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến cuối tháng, khối ngoại đã bắt đầu có động thái mua ròng với những cổ phiếu tiêu biểu như: HDB, VNM, BID.
- Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục là trụ đỡ chính cho thị trường khi áp lực bán tăng. Các cổ phiếu đóng góp tích cực cho VNI 30 bao gồm BID, VCB, HDB, MBB và VNM.

### Khối ngoại giảm bán ròng đáng kể

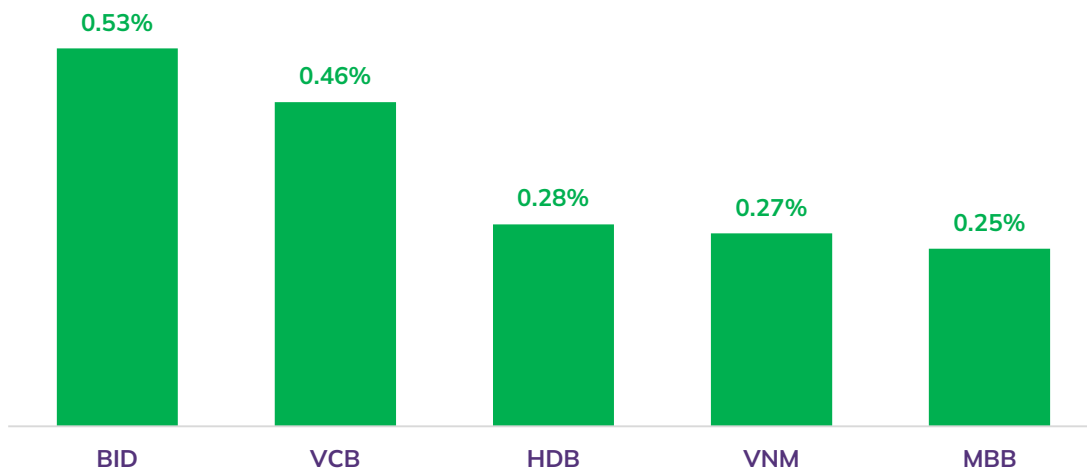


# Chuyển động cổ phiếu trong tháng 07

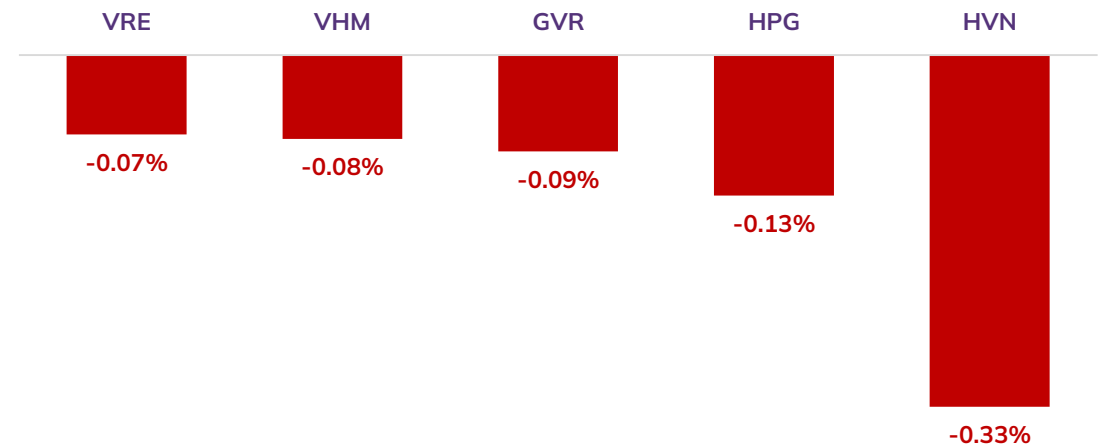
## Biến động giá cổ phiếu trong nhóm VN30



### Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tích cực đến VNI



### Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực đến VNI



## ➤ Kết quả kinh doanh các DNNY Quý 2/2024 (1/3)

Tính đến ngày 02/08/2024, đã có 1063 doanh nghiệp trên tổng số 1662 doanh nghiệp niêm yết/giao dịch trên cả 3 sàn công bố kết quả kinh doanh quý 2/2024. Nhìn tổng thể, bức tranh nền kinh tế nhìn chung khá sáng sủa khi tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp đạt mức +22,5% svck, tăng +8,7% so với Q1/2024. Đà tăng được dẫn dắt bởi của nhóm Phi tài chính (+23,0% svck) thay vì nhóm Tài chính (+19,5% svck) như các kỳ trước. Tăng trưởng LNST của các nhóm tiêu biểu là:

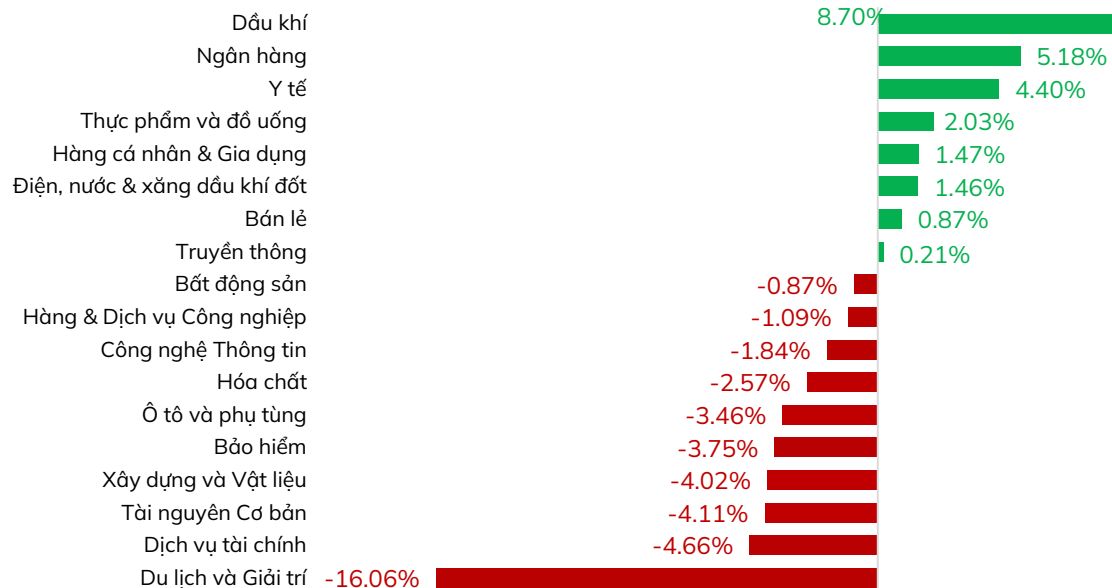
Ngành ICB L2	Vốn hóa (02/08/2024)	LNST Q2/24 (Triệu VND)	LNST Q1/24 (Triệu VND)	LNST Q2/23 (Triệu VND)	Tăng trưởng QoQ (%)	Tăng trưởng YoY (%)
Bán lẻ	146,180,901	1,436,309	1,210,543	32,565	18.6%	4310.6%
Bảo hiểm	71,204,864	1,546,974	1,619,490	1,396,054	-4.5%	10.8%
Bất động sản	822,757,408	13,335,919	12,795,704	16,247,366	4.2%	-17.9%
Công nghệ Thông tin	199,635,088	2,031,760	1,872,769	1,605,156	8.5%	26.6%
Dầu khí	183,043,818	2,405,212	2,994,363	2,749,715	-19.7%	-12.5%
Dịch vụ tài chính	268,011,590	6,389,699	6,506,057	4,208,008	-1.8%	51.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	466,806,712	8,370,093	4,885,508	8,120,674	71.3%	3.1%
Du lịch và Giải trí	126,765,890	1,974,881	5,152,934	(1,117,770)	-61.7%	-276.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	545,527,986	10,786,355	7,806,792	10,013,676	38.2%	7.7%
Hàng cá nhân & Gia dụng	89,485,536	1,662,766	1,553,855	1,152,177	7.0%	44.3%
Hóa chất	261,919,778	3,332,393	2,670,373	1,586,714	24.8%	110.0%
Ngân hàng	2,043,193,909	60,336,277	57,777,856	50,262,070	4.4%	20.0%
Ô tô và phụ tùng	18,190,874	244,978	259,042	131,497	-5.4%	86.3%
Tài nguyên Cơ bản	289,212,420	5,123,508	3,540,860	942,042	44.7%	443.9%
Thực phẩm và đồ uống	701,754,869	9,502,500	7,462,273	9,560,896	27.3%	-0.6%
Truyền thông	56,721,353	(213,734)	165,460	110,059	N/A	N/A
Viễn thông	234,034,320	1,584,396	1,961,671	(806,741)	-19.2%	-296.4%
Xây dựng và Vật liệu	249,802,556	3,674,777	2,515,098	2,487,877	46.1%	47.7%
Y tế	61,430,626	858,129	896,533	1,062,920	-4.3%	-19.3%
<b>Tổng</b>	<b>6,835,680,500</b>	<b>134,383,192</b>	<b>123,647,181</b>	<b>109,744,956</b>	<b>8.7%</b>	<b>22.5%</b>

Note: Dữ liệu được cập nhật từ BCTC Q2/24 đã công bố của 1063/1662 doanh nghiệp niêm yết / đăng ký giao dịch trên cả 3 sàn. Nguồn dữ liệu được cập nhật từ FiinProX ngày 02/08/2024.

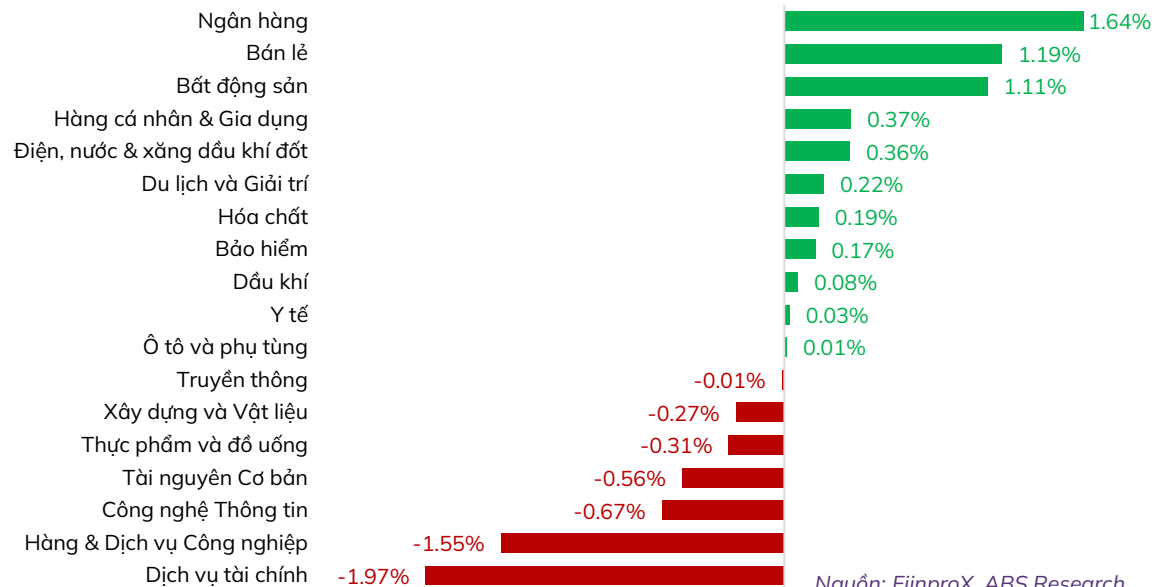
## ➤ Kết quả kinh doanh các DNNY Quý 2/2024 (2/3)

- **Nhóm Ngân hàng** vẫn là tâm điểm của giới đầu tư khi có chuyển động giá tăng +5,2% svck và tỷ trọng dòng tiền phân bổ +1,64% svck. Tăng trưởng toàn ngành đến từ nhóm Ngân hàng tư nhân top đầu về quy mô vốn chủ sở hữu như MBB, VPB, TCB... Ngành Ngân hàng hưởng lợi từ yếu tố nền thấp trong Q2/2023 nên kết quả kinh doanh Q2/2024 tăng trưởng rất tích cực so với cùng kỳ. Tuy nhiên nếu so sánh với Q1/2024 thì mức tăng này tương đối khiêm tốn, chủ yếu do (1) lãi suất cho vay được duy trì ở mức thấp, trong khi lãi suất huy động đang trong xu hướng tăng khiến cho NIM thu hẹp, (2) nợ xấu tăng mạnh ở tất cả các nhóm nợ, đẩy mạnh chi phí trích lập dự phòng và bào mòn lợi nhuận và (3) thu nhập ngoài lãi giảm sút do kênh banca đã bị dừng hoạt động theo quy định nhà nước.
- **Nhóm Bán lẻ và Hàng tiêu dùng:** Nhóm Bán lẻ có KQKD Q2/2024 tăng mạnh +4311% svck khi so sánh với nền thấp năm 2023. Nhu cầu tiêu dùng trong nước phục hồi là động lực thúc đẩy lớn cho các doanh nghiệp ngành Bán lẻ, Sữa, Bia như MSN, VNM và HBN. Tương tự, KQKD của nhóm Du lịch & Giải trí (+197,3% svck) ghi nhận tăng trưởng tốt.
- **Nhóm Bất động sản** ghi nhận KQKD Q2/2024 của các doanh nghiệp có sự khởi sắc hơn so với Q1/2024 nhưng tính chung toàn ngành 6T/2024 ghi nhận sự suy giảm, chủ yếu liên quan đến thời điểm bàn giao ghi nhận doanh thu, lợi nhuận dự án. Sự sụt giảm chính đến từ nhóm BĐS dân cư, đặc biệt là VHM, sau mức nền cao kỷ lục của nửa đầu năm 2023. Nhóm BĐS KCN nhìn chung có KQKD tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2024, tiêu biểu như BCM, IDC, SZC, ...
- **Thép (Tài nguyên cơ bản):** là một trong những nhóm ngành ghi nhận sự hồi phục đáng kể nhất trong Q2/2024 và 6T/2024 so với mức nền cơ sở thấp của 6T/2023 khi sản lượng tiêu thụ và biên lợi nhuận cải thiện (do hàng tồn kho giá thấp). Tuy nhiên, KQKD có sự phân hóa rõ rệt khi sự khởi sắc tập trung tại nhóm doanh nghiệp đầu ngành như HPG, HSG, NKG, trong khi các doanh nghiệp quy mô nhỏ hơn vẫn đối mặt với nhiều thách thức.

**Chuyển động giá các nhóm ngành**



**Tỷ trọng dòng tiền các nhóm ngành**



## ➤ Kết quả kinh doanh các DNNY Quý 2/2024 (3/3)

- **Nhóm Logistics** nhìn chung tăng trưởng tích cực, LNST Q2/2024 tăng trưởng +436% svck, 6T/2024 tăng trưởng +205% svck với nhiều yếu tố thuận lợi hỗ trợ. Hưởng lợi từ giá cước vận tải biển và cước cho thuê tàu neo cao, nhóm Vận tải và Vận tải dầu khí ghi nhận doanh thu tăng trưởng tốt như HAH, PVP, VTO. Cùng xu hướng, KQKD của nhóm Cảng biển diễn biến tích cực khi sản lượng hàng hóa thông cảng tăng cao do phục hồi xuất nhập khẩu. Các doanh nghiệp tiêu biểu có thể kể đến là DNP, QNP, VGR.
- **Nhóm Chứng khoán:** Thanh khoản thị trường tốt cũng như đà tăng chung của thị trường trong Q2/2024 đã có những tác động tích cực đến hai mảng kinh doanh cốt lõi của các CTCK là cho vay margin và tự doanh, các doanh nghiệp đã phải chạy đua tăng vốn để nới rộng hạn mức cho vay của mình khi tình trạng kín margin xảy ra tương đối thường xuyên. Mảng cho vay hoạt động hết công suất cùng với tự doanh có lãi giúp các doanh nghiệp đầu ngành như SSI, SHS, VCI ghi nhận mức tăng trưởng svck ấn tượng.
- **Nhóm Xuất khẩu (Dệt may, Gỗ)** đánh dấu mức hồi phục bất phá khi các doanh nghiệp đều ghi nhận KQKD Q2/2024 với mức tăng trưởng 2 chữ số như TCM (+3.683% svck), MSH (+25% svck), HTG (+103% svck), PTB (+11,6% svck),... Sự phục hồi này đến từ lượng đơn đặt hàng tăng cao khi nhu cầu tại các thị trường hồi phục, lượng hàng tồn kho thiếu hụt đặc biệt tại các thị trường lớn trên thị trường (Mỹ, EU,...), chuẩn bị cho các đơn hàng cuối năm và vụ đầu xuân năm tới. Ngoài ra, chỉ số PMI tháng 7 cũng là minh chứng cho ngành sản xuất của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh khi duy trì đạt 54,7 điểm với sản lượng tăng nhanh nhất kể từ tháng 3/2011.
- **Nhóm Xây dựng và vật liệu:** nhóm các doanh nghiệp trong ngành ghi nhận KQKD khởi sắc đáng kể trong quý và nửa đầu năm 2024 đến từ sự phục hồi của thị trường BĐS, các hoạt động xây dựng được đẩy mạnh trở lại, bên cạnh các hoạt động xây dựng hạ tầng tiếp tục được triển khai để hoàn thành mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công. Một số doanh nghiệp có mức tăng ấn tượng như LCG, FCN, VLB, ...
- **Ngành Phân bón** nhìn chung có một mùa “bội thu” trong Q2/2024 khi nhiều DN có KQKD tăng trưởng ấn tượng như DDV (+7.400% svck), BFC (+218,1% svck), DPM (+128,6% svck), LAS (+108,2% svck), DCM (+82,5% svck), NFC (+52,6% svck)...Bức tranh lợi nhuận Q2/2024 và nửa đầu năm của nhóm phân bón nhìn chung tươi sáng khi sản lượng tiêu thụ tăng mạnh svck trong khi giá vốn lại sụt giảm svck.
- KQKD Q2/2024 & 6T/2024 của **Ngành Hóa chất** khác nhìn chung biến động trái chiều. Tổng LNST cổ đông Công ty mẹ của nhóm này Q2/2024 & 6T/2024 lần lượt đạt 1.085 tỷ đồng (-0,7% svck) & 1.952 tỷ đồng (-5,3% svck). Một số DN có KQKD Q2/2024 tích cực như DGC, CSV, VFG, PMB...nhưng cũng có một số DN có KQKD Q2/2024 đi lùi như HVT, PAT, VET, VPS, TSC...
- **Nhóm ô tô và phụ tùng:** Các doanh nghiệp kinh doanh ô tô vẫn đang gặp thách thức lớn khi nhu cầu thị trường chưa có dấu hiệu hồi phục, doanh thu thuần và LNST sau thuế sụt giảm mạnh. Ngược lại, hưởng lợi từ tỷ giá USD/VND neo cao và giá cao su thiên nhiên tăng trưởng tốt do thiếu hụt nguồn cung, các doanh nghiệp cao su và sẫm lốp báo lãi lớn, tiêu biểu có DRC, DPR, CSM.
- Ngoài ra, LNST của một số nhóm có chiều hướng giảm, cụ thể nhóm Viễn thông (-296,4% svck), Du lịch – giải trí (-277% svck), Dầu khí (-10% svck), Y tế (-11% svck), Truyền thông (-2% svck) và Tiện ích (-23% svck).

# NHẬN ĐỊNH VÀ KHUYẾN NGHỊ



Trải nghiệm ngay  
ứng dụng ABS invest

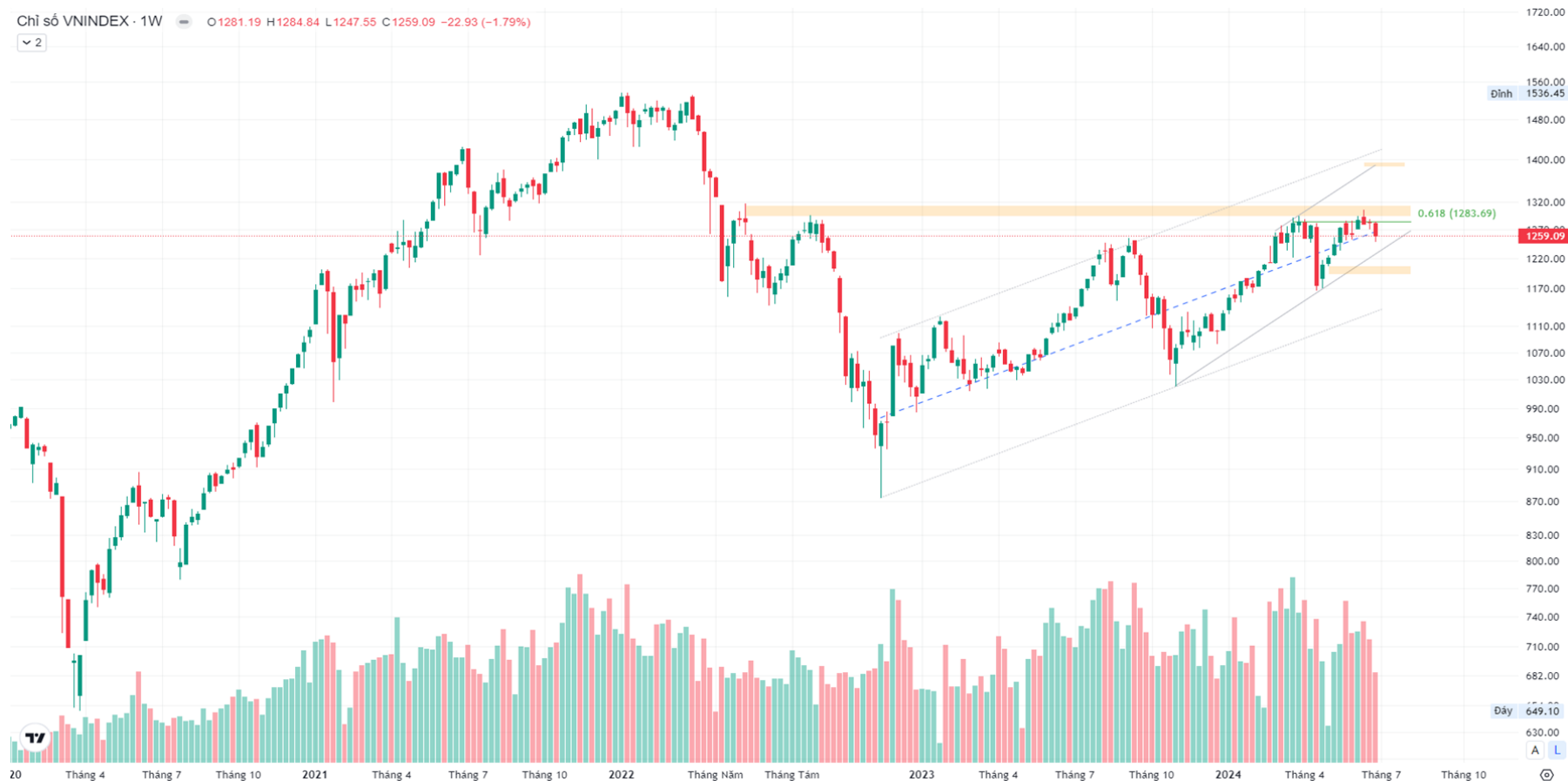


Mở tài khoản để tham gia  
room tư vấn của Trung  
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



# ➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 7/2024

- Chúng tôi đã dự báo tháng 7 là thời điểm thị trường hấp thụ tốt yếu tố tiêu cực và tạo ra vùng đi ngang tích lũy với biên độ giá lớn từ 1300 đến 1180, chuẩn bị cho nhịp sóng tăng của nửa cuối năm 2024. Sau các nhịp điều chỉnh với biên độ giá quanh 60-100 điểm sẽ luôn có hồi phục kỹ thuật nhanh với những phiên tăng điểm nhờ cổ phiếu vốn hóa lớn.
- Thực tế, VNIndex trong tháng 7 tiếp tục nỗ lực vượt đỉnh 1300 không thành công. Chỉ số VN-Index rung lắc mạnh với biên độ lớn từ 1218 đến 1300 điểm. Kết phiên 31/7, VNIndex đạt mốc 1,251.51 điểm, tăng nhẹ 0,5% so với tháng trước.
- Kết quả danh mục các cổ phiếu chúng tôi khuyến nghị được tổng hợp tại trang SAU.





# ➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 7/2024

- Tỷ suất lãi/lỗ thực hiện cả danh mục là **+1,2%** theo giá cuối tháng 7 và **+10,3%** theo giá cao nhất đạt được trong tháng 7/2024.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo	Vùng giá mua đề xuất	Giá thấp nhất chạm vùng KN	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá cắt lỗ	31/07/2024	Tăng/ Giảm (%)	Giá chạm cao nhất trong tháng	Tăng/ Giảm (%)	Ghi chú
1	ACB	24.25	22 - 23.5	23.85	25 - 26	29	21.5	24.55	2.9%	25.3	4.3%	
2	BVH	47	44.3 - 46	44.95	61 - 63	73	41	43.6	-3.0%	48.1	2.3%	
3	TVS	23.25	22 - 24	22	27	30-32	20	20.5	-6.8%	25.4	9.2%	
4	ACV	117	114 - 117	115.8	135 - 136		112	115.9	0.1%	127	8.5%	
5	PC1	29.8	28 - 30	28.7	35 - 36		26	28.9	0.7%	31.95	7.2%	
6	DCM	37.5	35 - 37	36.05	43 - 45	51	33	37.1	2.9%	41.8	11.5%	
7	MSH	49.75	46 - 49	46.1	53 - 59		45	46.25	0.3%	51.1	2.7%	
8	TCM	52	48 - 49	48	53 - 55	57	46	49.9	4.0%	54.4	4.6%	
9	ACG	47.5	44 - 46	44	57 - 58		42	44	0.0%	49.45	4.1%	
10	CKG	25.5	24.5 - 26	24.5	30 - 31		24	24.45	-0.2%	28.75	12.7%	
11	HDC	29.6	28 - 29	28.2	33 - 35	42	26	28.4	0.7%	30.95	4.6%	
12	HDG	28.85	27 - 29	28.4	35 - 37	43	25	28.05	-1.2%	33	14.4%	
13	NHA	28.3	26 - 28	28	32 - 33	42	25	29.5	5.4%	32.8	15.9%	
14	VHM	38.1	38	38	47		35	36.7	-3.4%	38.85	2.0%	
15	VPI	60	58 - 59	58.3	64 - 65		56	70.2	20.4%	71.2	42.4%	Trả cổ tức năm 2023 bằng CP, tỷ lệ 10:2
16	TVN	9.5	7.3 - 7.6	n/a	9.5	12	6.8	9.3	-2.1%	12.5	31.6%	
17	NKG	24.8	22 - 23.3	22.35	26 - 27	29	21	22.6	1.1%	26.05	5.0%	
18	SZC	40.15	38.5 - 40	38.5	48 - 51		34	38.45	-0.1%	41.25	2.7%	
Trung bình									1.2%		10.3%	

## Về yếu tố Phân tích kỹ thuật:

Tổng quan thị trường đã trải qua 21 tháng hồi phục từ đáy tháng 11/2022 với biên độ tăng giá hơn 400 điểm và với kết cấu của 3 nhịp tăng lớn trên biểu đồ tuần.

Chỉ số thị trường sau 3 tháng liên tiếp không phá qua được vùng đỉnh 1300, đến kết thúc tháng 7 thị trường phát đi tín hiệu tiếp tục suy yếu dần, vị thế giá đóng cửa tuần nằm dưới các đường trung bình trượt MA10/MA20 của biểu đồ tuần. Xem xét yếu tố thời gian 21 tháng mà thị trường đi lên trong các pha gần nhất thì biên độ tăng điểm cạn dần tại vùng kháng cự mạnh 1300 điểm.

Thị trường đã phá qua mốc hỗ trợ 1 tại vùng 1220-1240 điểm của xu hướng tăng ngắn hạn. Lực bán xuống mạnh khi VN-Index đi vào vùng hỗ trợ 1213-1166 xác nhận điều chỉnh trung hạn, với các sự đồng thuận giá đi xuống kèm theo lượng giao dịch. Tâm lý tiêu cực và sợ hãi đang lan tỏa.

Xu hướng trung hạn: tăng hồi phục đến vùng kháng cự mạnh 1300, phát tín hiệu suy yếu. Đường trung bình trượt MA10 cắt xuống MA20, MACD cắt xuống ở biểu đồ tuần. Xu hướng điều chỉnh trung hạn trên biểu đồ tuần.

Xu hướng ngắn hạn: đang trong quá trình điều chỉnh giảm.

## Các vùng hỗ trợ và kháng cự:

- Kháng cự 1: 1235 - 1260
- Hỗ trợ 1: 1170 – 1160
- Kháng cự 2: 1285 - 1295
- Hỗ trợ 2: 1140 – 1080
- Kháng cự 3: 1305 - 1316
- Hỗ trợ 3: 1050 – 1020

## Các yếu tố vĩ mô:

Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định của Việt Nam là điểm sáng giữa bối cảnh tình hình thế giới đang đổi mới với nhiều bất ổn lớn.

- Tại Mỹ, số liệu việc làm kém khả quan và thấp hơn rất nhiều so với kỳ vọng của giới chuyên môn cùng với tỷ lệ thất nghiệp tăng đột biến đã thúc đẩy một dây chuyền bán tháo và nguy cơ nước Mỹ rơi vào suy thoái sau một thời gian dài duy trì mức lãi suất cao là rất lớn (theo chỉ báo suy thoái Sahm). Hiện khả năng Fed sẽ phải giảm lãi suất một cách quyết liệt hơn với một tốc độ nhanh hơn để có thể vực dậy nền kinh tế.
- Tại châu Á, các thị trường tài chính lớn đều bị bán tháo, đặc biệt tại thị trường Nhật Bản khi Nikkei 225 sụp đổ hơn 12% trong 1 phiên do tác động của BoJ khi nâng lãi suất lên mức 0.25% khiến đồng Yên Nhật tăng mạnh chỉ trong vài ngày. Các nhà giao dịch carry trade đã phải bán tài sản để đóng vị thế.
- Tại Trung Quốc, dường như nền kinh tế này vẫn đang không thể phục hồi khi các chỉ số kinh tế đều cho thấy mức thu hẹp và khủng hoảng bất động sản vẫn là gánh nặng tài chính cực lớn đối với hệ thống tài chính của quốc gia tỷ dân này.
- Tại lục địa già, số liệu kinh tế của EU tiếp tục gây thất vọng, ngành sản xuất thu hẹp với tốc độ nhanh trong khi CPI đã ngay lập tức tăng vượt kỳ vọng chỉ sau hơn 1 tháng ECB tuyên bố cắt giảm lãi suất. Mặc dù tại Anh, lạm phát đang được kiểm soát và sản xuất bùng nổ nhưng những bất ổn chính trị lại bắt đầu nổ ra liên quan tới phong trào bài dân nhập cư của phe cực hữu.
- Tình hình chiến sự tại Trung Đông đang căng thẳng hơn bao giờ hết. Hai cường quốc quân sự Israel và Iran đang đứng trước bờ vực của một cuộc chiến toàn diện

- Tại Nam Á, Bangladesh đang trải qua một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, bắt nguồn từ những căng thẳng do hàng loạt vấn đề kinh tế-xã hội. Điều này có thể gây ra những gián đoạn nghiêm trọng cho ngành may mặc toàn cầu.
- Bất chấp những tình hình bất ổn trên thế giới, các số liệu vĩ mô Việt Nam vẫn cho thấy những dấu hiệu tích cực. PMI duy trì được mức mở rộng kỷ lục 54.7 trong 2 tháng liên tiếp cho thấy một tốc độ tăng trưởng đáng kinh ngạc của ngành sản xuất. Xuất nhập khẩu và đầu tư FDI tiếp tục tăng trưởng tốt trong khi Đồng đô la Mỹ giảm mạnh đã giúp Việt Nam cởi bỏ được áp lực tỷ giá trong ngắn hạn. Ngân hàng Nhà nước cũng nhân cơ hội này giảm lãi suất thị trường mở để hỗ trợ hệ thống tài chính, tại thời điểm đầu tháng 8. NHNN cũng đã không còn bán ra USD ồ ạt như trong hai tháng trước.
- Số liệu KQKD Q2 của các doanh nghiệp niêm yết cho thấy đà hồi phục tích cực tiếp diễn từ quý trước. Nhiều nhóm ngành tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ như Bán lẻ, Thép, Chứng khoán, Hóa chất, Cao su... Đáng chú ý, sự tăng trưởng lan tỏa ở nhiều nhóm ngành, đặc biệt là các ngành phi tài chính.
- Về mặt định giá, sau khi số liệu KQKD Q2/2024 được công bố, P/E của VN-Index đã giảm từ mức 14,1x cuối tháng 6 xuống 13,8x cuối tháng 7, thấp hơn mức bình quân 14,14x của chỉ số này trong 1 năm qua. P/E kỳ vọng cho cả năm 2024 ở mức thấp hơn do KQKD cả thị trường được dự báo tiếp tục phục hồi trong nửa cuối năm.
- Các cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30 đang có định giá P/E là 12.58x, thấp hơn nhiều so với các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ trong VN MID (16.73x) và VNSML (17.38x).

## Dự báo diễn biến VN-Index trong tháng 8/2024:

Từ cuối tháng 7, mặc dù kinh tế vĩ mô của Việt Nam tích cực, các thông tin bất lợi trên thế giới ảnh hưởng khá mạnh đến thị trường chứng khoán thế giới và Việt Nam và dự kiến sẽ còn tác động tiêu cực đến TTCK Việt Nam trong thời gian tới.

**Kịch bản 1:** Trong tháng 8, trường hợp các cuộc bạo loạn, xung đột vũ trang được hóa giải, không leo thang xấu hơn, nếu VN-Index giữ được mốc 1166 sẽ hình thành cấu trúc đi ngang tích lũy.

**Kịch bản 2:** Trường hợp ngược lại, kịch bản giá điều chỉnh xuống trong tháng 8 được ưu tiên. Nếu giá đóng cửa tuần không giữ được mốc 1166 điểm, thị trường chung sẽ tiếp tục điều chỉnh xuống các mốc hỗ trợ 3 của báo cáo phân tích các tháng trước đây tại vùng giá 1140-1080+/- . Các nhịp điều chỉnh có thể diễn ra với cường độ khá nhanh và mạnh. Khi đó P/E TTM của thị trường dự kiến giảm về mức khá hấp dẫn 12,6x - 11,9x.

## Khuyến nghị

Trong tháng 8, quản trị rủi ro trung hạn được đặt lên hàng đầu. Việc giao dịch cổ phiếu trong các pha hồi phục kỹ thuật cần được cân nhắc kỹ lưỡng tại vùng hỗ trợ của VN-Index và cổ phiếu cụ thể, khi có tín hiệu cụ thể xác nhận hoàn thành mô hình giá.

Các nhịp giao dịch hồi phục trong pha điều chỉnh trung hạn, nhà đầu tư nên hạ thấp kỳ vọng lợi nhuận và tuân thủ cắt lỗ.

Vùng Hỗ trợ 1 và Hỗ trợ 2 là vùng có thể giải ngân đầu tư trung hạn.

Các nhóm ngành quan sát đối với điểm mua trung hạn khi VNI-Index điều chỉnh xong: Ưu tiên doanh nghiệp đầu ngành có hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, dòng tiền từ HĐSXKD đều đặn, trong các ngành có tính phòng thủ như: Năng lượng, Y tế, Hàng tiêu dùng thiết yếu, Bán lẻ, Hóa chất...

Danh mục khuyến nghị được chúng tôi trình bày ở phần sau của báo cáo.

# TRIỆU VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 8/2024



# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 08/2024

06/08/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu 1 (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá chốt lỗ/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư	
VNM	72.7	67-69	78-81	100	N/A	63.0	16.4%	<ul style="list-style-type: none"> <li>KQKD Q2/2024 của VNM ấn tượng với doanh thu thuần đạt 16,7 nghìn tỷ đồng (+9,6% svck) và lợi nhuận ròng tăng 21% svck. Đây là quý ghi nhận mức cao kỷ lục từ trước đến nay của công ty, nhờ doanh thu nội địa tăng 6% svck và doanh thu nước ngoài tăng 30% svck. Biên lợi nhuận gộp đạt 42,4% (+170 điểm cơ bản svck), đây là mức cải thiện tốt nhất trong 10 quý vừa qua.</li> <li>Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 30,8 nghìn tỷ đồng (+5,7% svck) và 4,9 nghìn tỷ đồng (+18,6% svck), hoàn thành 49% và 52% kế hoạch cả năm 2024.</li> <li>Cho cả năm 2024, chúng tôi dự báo DTT và NPATMI của VNM lần lượt đạt 65 nghìn tỷ đồng (+6,2% svck) và 10,2 nghìn tỷ đồng (+13,8% svck).</li> </ul>
GAS	77.3	74-76	88-91	100	93.8	72.0	18.9%	<ul style="list-style-type: none"> <li>Triển vọng dài hạn lạc quan dựa trên các yếu tố sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Nhu cầu khí cho điện dự kiến vẫn cao: theo Quy hoạch điện VIII, điện khí dự kiến được nâng tỷ trọng đóng góp trong hệ thống điện quốc gia từ 9% (2022) lên 26% (2030).</li> <li>✓ Mảng LNG sẽ trở thành động lực tăng trưởng trung và dài hạn của PVGas. Theo phương án cung cấp khí cho sản xuất điện đến năm 2030, VN sẽ thiếu hụt khoảng 5,4 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm do sự suy giảm của các mỏ lâu năm. Do đó, LNG nhập khẩu sẽ là nguồn bổ sung quan trọng trong dài hạn. Hiện nay, PV GAS là doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất của Việt Nam chính thức phân phối LNG.</li> <li>✓ Kỳ vọng từ các dự án lớn của ngành được thúc đẩy tiến độ triển khai. PVGas hiện đang và sẽ tham gia vào các dự án lớn như Dự án LNG Thị Vải, Dự án LNG Sơn Mỹ, Dự án Sư tử trắng – GĐ 2B, Dự án Lô B – Ô Môn. Các dự án này dự kiến sẽ giúp cải thiện năng lực cung cấp khí của PVGas thời gian tới.</li> </ul> </li> <li>Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền dồi dào gần 43.920 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (chiếm 46% cơ cấu TTS tại 30/6/2024) và hệ số đòn bẩy thấp (D/E chỉ quanh 0,06 lần). Công ty cũng có lịch sử chi trả cổ tức bằng tiền cao và đều đặn (năm 2022: 36%, năm 2023: 60% và dự kiến năm 2024 là 20%).</li> <li>Tuy nhiên, trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng năm 2024 vẫn sẽ là một năm còn nhiều thách thức đối với PVGas, lợi nhuận có thể sụt giảm svck khi DN phải đối mặt với một số khó khăn về nguồn khí cạn kiệt, thị trường LPG cạnh tranh khốc liệt....</li> </ul>

# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 08/2024

06/08/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
PNJ	95.6	89-93	100-103	113	N/A	86.5	12.4%	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>KQKD Q2/2024:</b> PNJ ghi nhận doanh thu đạt 9.518,70 tỷ đồng (+42,85% svck) và LNST đạt 428.85 tỷ đồng (+27,03% svck). Xét riêng trong tháng 6, ước tính đạt gần 2.600 tỷ đồng doanh thu (+18% svck) và 116 tỷ đồng LNST (+3% svck). Biên lợi nhuận gộp Q2/2024 của PNJ đạt 15,56% - giảm so với mức 18,15% cùng kỳ do sự thay đổi cơ cấu hàng bán, sự biến động giá nguyên liệu và các yếu tố đầu vào khác.</li> <li><b>Lũy kế 6T/2024:</b> Doanh thu thuần của PNJ đạt 22.112,54 tỷ đồng (+34,35% svck), LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 1.054,62 tỷ đồng (-2,91% svck). PNJ đã hoàn thành 59,5% kế hoạch doanh thu thuần và 55,8% kế hoạch LNST cả năm 2024.</li> <li>Chúng tôi dự báo trong năm 2024, PNJ sẽ duy trì được tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ nhờ những chiến lược bán hàng, tối ưu hóa chi phí hiệu quả và chiến lược đầu tư hàng tồn kho hiệu quả đã được doanh nghiệp chứng minh trong năm 2023. Về dài hạn, chúng tôi cho rằng triển vọng của PNJ vẫn tương đối tích cực nhờ tăng trưởng chung của ngành bán lẻ cũng như việc tăng lớp trung lưu Việt Nam (đối tượng khách hàng mục tiêu mà PNJ hướng tới) được dự báo sẽ gia tăng nhanh trong giai đoạn 2020 – 2030.</li> </ul>
DGC	106.0	83-87	100.0	115	N/A	81.0	20.5%	<ul style="list-style-type: none"> <li>DGC hiện chiếm 50% thị phần sản xuất Photpho vàng cả nước sau khi mua lại CTCP Photpho 6 vào năm 2023. Giá Photpho vàng kỳ vọng sẽ hồi phục do: 1) Nhu cầu tiêu thụ Photpho vàng cho sản xuất chất bán dẫn dự báo tăng; 2) Chính sách cắt giảm sản xuất của Trung Quốc để giảm thiểu tác động của ngành khai thác khoáng sản tới môi trường.</li> <li>Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền dôi dào lên tới 10.239 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (chiếm 67% cơ cấu TTS tại 30/6/2024) &amp; đòn bẩy tài chính thấp (hệ số D/E chỉ khoảng 0,06 lần). Công ty có lịch sử chi trả cổ tức bằng tiền cao và đều (năm 2022: 40%, năm 2023: 30% và dự kiến năm 2024 là 30%).</li> <li>Triển vọng dài hạn đến từ Dự án Tổ hợp Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn nằm tại Thanh Hóa. Dự án này dự kiến sẽ góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận của DGC khi hoàn thành.</li> <li>Tuy nhiên, triển vọng lợi nhuận năm 2024 chưa được như kỳ vọng mặc dù lợi nhuận Q2/2024 đã lên mức cao nhất trong 6 quý với LNST cổ đông Công ty mẹ đạt 842,4 tỷ đồng (+0,2% svck). Lũy kế 6T/2024, DTT của DGC đạt trên 4.889 tỷ đồng (-0,2% svck) và LNST cổ đông Công ty mẹ đạt 1.515 tỷ đồng (-6,9% svck). Như vậy, 6 tháng đầu năm, DGC đã hoàn thành 48% kế hoạch doanh thu và 51% kế hoạch LNST.</li> </ul>

# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 08/2024

06/08/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
VEA	41.1	35-37	44-46	49	N/A	34.0	25.7%	<ul style="list-style-type: none"> <li>Doanh thu bán hàng và dịch vụ quý 2/2024 đạt 1.023,6 tỷ đồng (+5% svck), lợi nhuận gộp đạt 169,6 tỷ đồng (+11% svck). Lũy kế 6 tháng, doanh thu giảm nhẹ so với cùng kỳ, lợi nhuận gộp 303,3 tỷ đồng (+4% svck) do giá vốn bán hàng giảm. Thu nhập chủ yếu của VEAM nhờ khoản lãi do nắm giữ vốn cổ phần các công ty như Toyota Việt Nam (tỷ lệ 20%), Ford Việt Nam (tỷ lệ 25%), Honda Việt Nam (30%), lũy kế 6 tháng đạt 2.865,5 tỷ đồng, tăng +4% svck. Khoản lãi định kỳ này đóng góp tới 85% lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty.</li> <li>Tính chung trong 6 tháng đầu năm, thị trường ô tô đang trên đà phục hồi, đặc biệt sau thông tin về chính sách ưu đãi lệ phí trước bạ của Chính phủ (có hiệu lực từ 1/8/2024 – 31/2/2025). Doanh số các công ty ô tô chứng kiến đà tăng trưởng tốt, đạt 26.575 xe trong tháng 6/2024 theo báo cáo từ Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA), tăng 3% so với 5/2024 và 12% so với cùng kỳ. Trong đó, các hãng xe bán chạy nhất thị trường Việt Nam bao gồm cả Ford Ranger (1.442 chiếc), Toyota Yaris (811 chiếc), Toyota Vios (769 chiếc).</li> </ul>
TNH	23.1	20-22	27-28	34	N/A	19.0	35%	<ul style="list-style-type: none"> <li>KQKD Q2/2024, TNH ghi nhận doanh thu thuần đạt 130 tỷ đồng (+5% svck), LNST MI đạt 38,7 tỷ đồng (+3% svck). Mặc dù kết quả tăng nhẹ so với cùng kỳ tuy nhiên lợi nhuận gộp giảm 8% do công ty tập trung nguồn lực lớn để hoàn thiện dự án bệnh viện TNH Việt Yên khiến giá vốn hàng bán tăng mạnh +17% svck.</li> <li>Chúng tôi kỳ vọng ở mục tiêu dài hạn của TNH về kế hoạch mở rộng bệnh viện trên toàn quốc (hướng đến các thành phố lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, TP.HCM,...) sẽ giúp nâng cao công suất của TNH. Tuy việc đưa bệnh viện TNH Việt Yên (150 giường đi vào hoạt động ở Q3/2024) và TNH Lạng Sơn (dự kiến hoạt động ở Q4/2025) vào vận hành sẽ làm tăng chi phí của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến biên LN gộp về ngắn hạn của TNH nhưng trên quan điểm dài hạn, TNH sẽ có thêm 2 bệnh viện đi vào hoạt động, kéo mức tăng trưởng doanh thu lên 2 chữ số.</li> </ul>

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Để được hỗ trợ tư vấn và nhận các thông tin khuyến nghị, báo cáo thường xuyên, kịp thời, tải ABS Invest ngay tại



Trải nghiệm ngay  
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia  
room tư vấn của Trung tâm  
Tư vấn Đầu tư ABS

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

## Thông tin liên hệ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Nguyễn Thị Thùy Linh – Giám đốc Trung tâm Phân tích

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Điện thoại: (+84 - 24) 3562 4626 Số máy lẻ: 160

[www.abs.vn](http://www.abs.vn)





**Thank you!**